



LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

*ĐỀ TÀI: “MỘT SỐ BIỆN PHÁP
TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG CÔNG
NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ
NƯỚC.”*

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	2
I. Quản lý hành chính nhà nước.	2
1. Khái niệm và đặc điểm quản lý hành chính nhà nước.....	2
1.1 Khái niệm:	2
1.2 Đặc điểm	3
2. Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước	5
2.1 Nhóm các nguyên tắc chung	5
2.2 Nhóm các nguyên tắc riêng.....	9
3. Hình thức quản lý hành chính nhà nước.....	12
3.1 Các hình thức quản lý hành chính nhà nước.....	13
3.2. Vai trò của quản lý hành chính nhà nước	17
4. Cải cách hành chính	18
4.1. Cải cách nền hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.....	18
4.2. Cải cách nền hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân	18
4.3. Cải cách nền hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu hội nhập, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.	19

4.4. Cải cách hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu khắc phục những yếu kém, hạn chế, khuyết điểm trong tổ chức, hoạt động của nền hành chính nhà nước 19

II. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước.... 21

1. Khái niệm công nghệ thông tin21

2. Công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước.....21

III. Kinh nghiệm của các nước trong việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước và bài học rút ra cho Việt nam.....	23
1. Kinh nghiệm của Singapore	23
2. Bài học rút ra cho Việt Nam.....	24
CHƯƠNG II: SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	26
I. Thực tiễn áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính ở Việt Nam.....	26
1. Cơ sở của đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005.....	27
2. Nội dung tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005.....	28
2.1. Mục tiêu chung.	28
2.2. Mục tiêu cụ thể.	29
2.3. Phạm vi, đối tượng tin học hóa của Đề án bao gồm:	30
2.4. Các nhóm Đề án mục tiêu.	30
3. Đầu tư (giai đoạn 2001 - 2005).....	35
3.1. Yêu cầu kiến trúc hệ thống tin học hóa quản lý hành chính nhà nước:	35
3.2. Mạng tin học diện rộng của Chính phủ.	37
4. Tổ chức thực hiện.....	39
4.1. Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước phải được tổ chức đồng bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước; dựa vào bộ máy hành chính hiện có của Bộ, tỉnh để tổ chức thực hiện đề án. Việc tổ chức được phân ra các cấp như sau:	39
4.2. Về tổ chức bộ máy:	40
4.3. Các chính sách và biện pháp thực hiện:.....	41

4.4. Tiến độ thực hiện:	42
4.5. Trách nhiệm của cán Bộ, ngành:	43
II. Những thành công và thất bại từ thực tiễn áp dụng mô hình này vào Việt Nam.....	44
1. Những thành công đạt được:	44
2. Những vấn đề vướng mắc cần khắc phục	54
2.1. Dàn trải, manh mún.	54
2.2. Chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng.....	55
2.3. Những cảnh báo trong quá trình thực hiện đề án.	57
3. Nguyên nhân	58
3.1. Một số nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của đề án.	58
3.2. Trách nhiệm của Chính phủ	60
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	62
I. Một số nguyên tắc để tăng cường sử dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước.	62
1. <i>Nhu cầu về hoạt động hành chính một cách minh bạch.....</i>	<i>62</i>
2. <i>Phục vụ người dân và doanh nghiệp</i>	<i>63</i>
3. Kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính.....	63
II. Một số giải pháp nhằm tăng cường sử dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước.	64
1. <i>Giải pháp về con người.</i>	<i>64</i>
2. <i>Giải pháp về kỹ thuật.....</i>	<i>65</i>
KẾT LUẬN	67

MỞ ĐẦU

Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong các hoạt động quản lý hành chính nhà nước, hướng đến xây dựng một chính phủ hiện đại và hiệu quả là một trong những điểm trọng tâm trong quá trình xã hội hóa thông tin, phát triển dân chủ và củng cố bộ máy chính quyền các cấp . Hiện nay, mô hình Chính phủ điện tử (e-government) đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều nước trên thế giới và mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho xã hội. Tại Việt Nam, mô hình "chính phủ điện tử" đã được đưa vào ứng dụng nhằm cải thiện phương thức quản lý hành chính, giúp giới doanh nghiệp và người dân tiếp cận được với các chính sách, cơ chế của Đảng và Nhà nước một cách nhanh nhất. Chuyên đề này nghiên cứu về việc áp dụng CNTT vào quản lý hành chính nhà nước ở Việt nam. Qua đó, chỉ ra những thành công cũng như thất bại khi triển khai thực hiện dự án. Từ đó tìm ra những nguyên nhân, đồng thời đưa ra một số giải pháp khắc phục những khuyết điểm còn tồn tại. Mặc dù đã rất cố gắng nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất vui khi được sự góp ý của các thầy cô để bài luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN

I Quản lý hành chính nhà nước.

1. Khái niệm và đặc điểm quản lý hành chính nhà nước.

1.1 Khái niệm:

Để hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước ta cần tìm hiểu về khái niệm quản lý và quản lý nhà nước.

Quản lý trong xã hội nói chung là quá trình tổ chức và điều hành các hoạt động nhằm đạt được những mục tiêu và yêu cầu nhất định, dựa trên những qui luật khách quan.

Quản lý nhà nước là sự tác động, tổ chức, điều chỉnh mang tính quyền lực nhà nước, thông qua các hoạt động của bộ máy nhà nước, bằng phương tiện, công cụ, cách thức tác động của Nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội theo đường lối, quan điểm của Đảng cầm quyền.

Quản lý nhà nước được hiểu theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, quản lý nhà nước là hoạt động tổ chức, điều hành của bộ máy nhà nước, nghĩa là nó bao hàm cả sự tác động, tổ chức của quyền lực nhà nước trên các phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo cách hiểu này, quản lý nhà nước được đặt trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước là quá trình tổ chức, điều hành của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người theo pháp luật, nhằm đạt được những mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước. Các cơ quan nhà nước nói chung còn thực hiện các hoạt động có tính chất chấp hành, điều hành, tính chất hành chính nhà nước nhằm xây dựng, tổ chức bộ máy và củng cố chế độ công tác nội bộ

của mình. Chẳng hạn, ra quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập các đơn vị, tổ chức thuộc bộ máy của mình; đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, ban hành qui chế làm việc nội bộ. Những hoạt động trên cũng là hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong nội bộ các cơ quan nhà nước.

Quản lý hành chính nhà nước cũng chính là quản lý nhà nước hiểu theo nghĩa hẹp.

Từ phân tích nêu trên có thể hiểu khái niệm quản lý hành chính nhà nước là: quản lý hành chính nhà nước là quá trình tổ chức, điều chỉnh, bằng quyền lực nhà nước, phương thức tác động mang tính chất quyền lực nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước đối với các chủ thể quản lý và các lĩnh vực đời sống xã hội cũng như hành vi hoạt động của con người và các hoạt động có tính chất hành chính nhà nước, nhằm xây dựng tổ chức bộ máy và củng cố chế độ công tác nội bộ trong các cơ quan tổ chức nhà nước.

1.2 Đặc điểm

Đối với nhà nước xã hội chủ nghĩa, quản lý hành chính nhà nước gồm có những đặc điểm cơ bản sau:

Một là, quản lý hành chính nhà nước luôn mang tính quyền lực, tính tổ chức chặt chẽ. Đặc điểm pháp lý của quan hệ quản lý là sự không bình đẳng giữa các bên trong quan hệ quản lý, vì vậy, trong quản lý hành chính nhà nước, mọi mệnh lệnh, quyết định quản lý luôn luôn mang tính đơn phương, một chiều, bắt buộc thực hiện và khi cần thiết các chủ thể quản lý có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành. Các mệnh lệnh, quyết định quản lý phải được chấp hành một cách nghiêm túc, triệt để, xác định rõ trách nhiệm pháp lý và xử lý nghiêm minh mọi trường hợp vi phạm, hoặc làm trái các qui định đã được đưa ra.

Hai là, quản lý hành chính nhà nước là các hoạt động có mục tiêu rõ ràng, có chiến lược và kế hoạch cụ thể để thực hiện các mục tiêu đưa ra. Đặc

điểm này đòi hỏi các cơ quan hành chính nhà nước phải xác định mục tiêu, xây dựng chiến lược và kế hoạch hoạt động của mình nhằm đạt được các mục tiêu đã xác định trên cơ sở chiến lược, kế hoạch của cấp trên và đường lối chính sách của Đảng. Như vậy, các cơ quan hành chính nhà nước phải xác định cho mình những mục tiêu và kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm. Bên cạnh việc xác định các mục tiêu, định hướng chủ yếu cần dự báo tình hình, những biến động, những thay đổi có thể xảy ra để dự kiến các biện pháp điều chỉnh, cân đối, nhằm thực hiện được các mục tiêu và định hướng chủ yếu, có tính chiến lược.

Ba là, quản lý hành chính nhà nước là hoạt động dựa trên những qui định chặt chẽ của pháp luật, đồng thời là hoạt động có tính chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong thực tiễn điều hành, quản lý. Trên cơ sở những qui định của pháp luật và mục tiêu, định hướng, kế hoạch đã xác định, các cơ quan quản lý hành chính các cấp phải phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của mình trong quản lý, điều hành, nhằm động viên được mọi tiềm năng, nguồn lực tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện có hiệu lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Bốn là, quản lý hành chính nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ. Nhà nước là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì thế, trong hoạt động của mình, các cơ quan, cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước phải công khai mọi hoạt động của mình, thể hiện tinh thần tôn trọng nhân dân, để mọi việc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; phải biết lắng nghe ý kiến của dân, có biện pháp thu hút, tổ chức cho nhân dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Mặc dù quản lý hành chính nhà nước luôn có tính đơn phương, mệnh lệnh nhưng một vawnbản phải đề cao các biện pháp giáo dục, thuyết phục, vận động quần chúng, chống quan liêu, cửa quyền ức hiếp dân chúng. Mặc

khác, phải từng bước hiện đại hoá nền hành chính, khắc phục tình trạng tuỵ tiện, xuề xoà, luộm thuộm, xây dựng phong cách làm việc chính qui, bảo đảm hiệu lực của các quyết định, mệnh lệnh quản lý.

2. Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước

Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước là những tư tưởng, quan điểm chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Chúng phản ánh bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa và những yêu cầu khác quan bảo đảm cho nhà nước đó tồn tại, phát triển và hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Như vậy, nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước gồm hai nhóm chính. Ngoài những nguyên tắc chung, cơ bản về tổ chức, hoạt động của cả bộ máy nhà nước, quản lý hành chính nhà nước còn có những nguyên tắc riêng nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

2.1 Nhóm các nguyên tắc chung

a. Nguyên tắc lãnh đạo nhà nước

Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, được trang bị nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Đảng có vai trò to lớn và thực sự đã trở thành lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Điều 4 Hiến pháp năm 1992(sửa đổi) khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội”.

Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua đường lối và các chính sách; thông qua các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan, tổ chức nhà nước; thông qua công tác cán bộ; thông qua công tác kiểm tra việc thực hiện

đường lối, chính sách của Đảng của các cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh công tác xây dựng công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật của nhà nước, song “*mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*”¹

b. Nguyên tắc nhân dân lao động tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là người chủ nước nhà, là lực lượng hùng hậu thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của nhân dân. Chính vì vậy, tập hợp, tổ chức cho nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội là yêu cầu khách quan, cấp bách trong tổ chức, hoạt động của nhà nước.

Nhân dân lao động tham gia quản lý nhà nước và xã hội dưới những hình thức rất đa dạng và phong phú như: tham gia bầu cử; thảo luận các dự thảo văn bản pháp luật; giám sát việc thực hiện của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước..vv

Thực hiện nguyên tắc này, nhà nước phải xây dựng và bảo đảm thực hiện trong thực tế các thiết chế để nhân dân lao động có thể tham gia quản lý nhà nước một cách gián tiếp, hay trực tiếp. Chẳng hạn sớm xây dựng và ban hành Luật Trưng cầu dân ý; thực hiện tốt và có hiệu quả “Quy chế dân chủ ở cơ sở”; xây dựng chế độ nhân dân nhận xét, góp ý kiến cho cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước; xây dựng chế độ tiếp dân của cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền; xây dựng bộ phận tiếp nhận đơn thư, khiếu nại của dân...vv

c. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc có tầm quan trọng hàng đầu và chi phối trực tiếp các hoạt động của bộ máy nhà nước. Vì vậy, nguyên tắc này là một trong những nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp. Điều 6

¹ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992(sửa đổi), Nxb CTQG, H, 2002, tr.35.

Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001) xác định: "...Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ"

Yêu cầu của nguyên tắc này là bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Trung ương, của cấp trên, trên cơ sở phát huy đầy đủ quyền chủ động, sáng tạo của cấp dưới, quyền làm chủ nhân dân, của cán bộ công chức.

Nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện trên những cơ bản sau:

-Địa phương phục tùng Trung ương trên cơ sở phân cấp, phân quyền rộng rãi, hợp lý và cụ thể.

-Cấp dưới phục tùng cấp trên, cán bộ, nhân viên phục tùng thủ trưởng.

-Thiểu số phục tùng đa số sau khi trao đổi, thảo luận dân chủ.

-Cấp dưới chủ động sáng tạo trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao nhưng phải chịu sự kiểm tra của cấp trên.

-Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo giữa cấp trên và cấp dưới, Trung ương và địa phương.

-Bảo đảm kỷ luật nhà nước trong tổ chức trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Thực hiện nguyên tắc này cần ngăn chặn và khắc phục hai khuynh hướng: một là, tập trung quan liêu, không bảo đảm quyền chủ động, sáng tạo của cấp dưới, quyền làm chủ của nhân dân và cán bộ, công chức dưới quyền. Hai là, tự do, tùy tiện, phân tán, cục bộ địa phương, bất chấp kỷ cương, vô tổ chức, vô kỷ luật.

d. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước phải tuân thủ theo đúng các qui định của pháp luật. Mọi cán bộ, công chức nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải chấp hành nghiêm chỉnh, chính xác, triệt để các qui

định của pháp luật. Nếu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức nhà nước vi phạm pháp luật thì cần bị xử lý kịp thời, nghiêm minh. Và nếu vi phạm đó gây thiệt hại tới lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức thì cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức nhà nước vi phạm phải bồi thường.

Thực hiện nguyên tắc này nhằm bảo đảm trật tự, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

Thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động của nhà nước phải tiến hành xây dựng được hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn chỉnh, chất lượng cao và quan trọng hơn là bảo đảm cho pháp luật được thực hiện trong thực tế. Muốn vậy phải đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tiếp tục đổi mới các cơ quan bảo vệ pháp luật (công an, toà án, viện kiểm soát, thanh tra, kiểm lâm, hải quan, bộ đội biên phòng, quản lý thị trường), làm cho các cơ quan, lực lượng này thực sự là công cụ sắc bén trong đấu tranh, bảo vệ pháp luật; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, nhất là sự tham gia của dân, của phương tiện truyền thông đại chúng trong đấu tranh bảo vệ pháp luật; xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi vi phạm pháp luật, bảo đảm nguyên tắc mọi người bình đẳng trước pháp luật.

đ. Nguyên tắc có kế hoạch và khách quan

Nguyên tắc đòi hỏi mọi tổ chức, hoạt động của nhà nước đều phải có kế hoạch, có nghĩa là phải được cân nhắc, tính toán, dự kiến, lập kế hoạch trước, không được tùy tiện, ngẫu hứng đưa ra quyết định một cách vội vàng, chấp vá. Đương nhiên, yêu cầu này mâu thuẫn với việc chủ động, linh hoạt, nhạy bén trong quá trình giải quyết xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn quản lý hoặc những tình huống do biến động chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội; do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ...

Mặt khác, mọi kế hoạch vạch ra đều dựa trên nhận thức chủ quan nhưng phải đảm bảo tính khách quan của các dự kiến và kế hoạch đó. Yêu cầu này đòi hỏi mọi dự kiến, kế hoạch trong tổ chức, hoạt động của nhà nước phải được nghiên cứu luận chứng, có cơ sở khoa học, thực tiễn.

e. Nguyên tắc công khai, lắng nghe ý kiến của nhân dân và dư luận xã hội

Nguyên tắc này đòi hỏi mọi hoạt động của nhà nước nói chung phải được công khai để nhân dân biết trừ những thông tin, hoạt động mang tính bí mật quốc gia. Công khai mọi hoạt động của nhà nước không những đảm bảo để “ dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” mà còn thể hiện thái độ tôn trọng nhân dân. Mặt khác, thông qua công khai các hoạt động của mình, nhà nước lắng nghe ý kiến phản hồi của nhân dân và dư luận xã hội, tiếp thu những ý kiến đúng của dân để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung sao cho các chủ trương, chính sách, pháp luật và các quyết định đạt hiệu quả tốt nhất.

Thực hiện nguyên tắc này cần xây dựng chế độ công khai trong tổ chức, hoạt động của nhà nước, trong đó quy định trách nhiệm định kỳ báo cáo công việc trước dân của các cấp, các ngành.

Nếu có sự thay đổi, điều chỉnh các quyết định quản lý phải thông báo rộng rãi, giải thích, trình bày với nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài việc xây dựng và thực hiện chế độ công khai, các cấp, các ngành phải tổ chức công tác tiếp dân, tổ chức bộ phận tiếp thu, xử lý, trả lời đơn thư, khiếu nại của dân. Làm tốt hai công tác trên mới nhanh chóng nắm bắt ý kiến của nhân dân và dư luận xã hội cũng như đưa ra được những chính sách đúng đắn, phù hợp lòng dân.

2.2 Nhóm các nguyên tắc riêng

Ngoài việc thực hiện những nguyên tắc chung trong tổ chức hoạt động nhà nước nêu trên, quảng lý hành chính nhà nước còn phải thực hiện những nguyên tắc riêng sau:

a. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ

Hệ thống bộ máy hành chính nhà nước ở nước ta vừa được tổ chức theo cấu trúc ngành, liên ngành kinh tế kỹ thuật ở Trung ương, vừa tổ chức theo cấp hành chính (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quận, huyện, xã phường). Vì vậy, trong quản lý hành chính nhà nước phải đảm bảo kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ.

b. Nguyên tắc phân định và kết hợp tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý kinh doanh của các tổ chức, đơn vị kinh tế

Nguyên tắc này đòi hỏi phải tách các đơn vị kinh doanh khỏi sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của các cơ quan hành chính nhà nước. Điều đó có nghĩa là các cơ quan hành chính nhà nước quản lý các đơn vị kinh doanh thông qua chính sách, pháp luật, các đòn bẩy kinh tế (thuế, các ưu đãi, miễn trừ...), không trực tiếp can thiệp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tôn trọng tính độc lập, tự chủ của các đơn vị kinh doanh trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường. Mặt khác, đối với các doanh nghiệp nhà nước, bên cạnh việc phát huy tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hạch toán độc lập phải huy động và sử dụng tốt nguồn vốn và các tài sản được giao khác, nhằm thực hiện được các mục tiêu kinh tế-xã hội do nhà nước quy định.

c. Nguyên tắc tập trung, thống nhất, thông suốt trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước

Thực chất, nguyên tắc này chính là sự cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Do đặc điểm hoạt động quản lý, điều hành trực tiếp các lĩnh vực đời sống xã hội, các lĩnh vực này lại luôn luôn vận động phát triển, biến động nên tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở phải bảo đảm tập trung, thống nhất, thông suốt.

Nguyên tắc này đòi hỏi cấp dưới phải thi hành nghiêm chỉnh và chính xác các mệnh lệnh, quyết định quản lý của cấp trên. Các cơ quan hành chính nhà nước và các cán bộ công chức cấp trên phải được giao đủ quyền để có thể điều hành hành, quản lý được hoạt động của cấp dưới, mặt khác, nếu chấp hành không tốt phải xử các đối tượng có liên quan.

d. Nguyên tắc hai chiều trực thuộc

Theo nguyên tắc này, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, cơ sở vừa trực thuộc, chịu sự quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên, vừa là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Như vậy, cơ quan hành chính nhà nước vừa trực thuộc hệ thống ngang vừa trực thuộc hệ thống dọc, để kết hợp hài hòa hai chiều trực thuộc này quản lý hành chính nhà nước có hai phương thức.

- Các mệnh lệnh, quyết định của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên phải được báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.
- Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định các chủ trương, biện pháp nhằm tổ chức thực hiện Hiến pháp, luật, các văn bản dưới luật, các mệnh lệnh, quyết định quản lý của cấp trên.

đ. Nguyên tắc trực thuộc thẳng

Theo nguyên tắc này, mỗi cán bộ, công chức hành chính, mỗi cơ quan hành chính nhà nước trong quan hệ quản lý hành chính nhà nước chỉ có một đầu mối, một người chỉ huy, điều hành. Chỉ có trên cơ sở trực thuộc thẳng như vậy mới đảm bảo hoạt động quản lý điều hành có hiệu lực, hiệu quả, không chồng chéo.

e. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Nguyên tắc này yêu cầu đề cao trách nhiệm cá nhân của người phụ trách trong quản lý hành chính nhà nước. Để ban hành các quyết định, mệnh lệnh quản lý, các cơ quan hành chính nhà nước phải có sự trao đổi, thảo luận,

huy động được trí tuệ của tập thể nhưng ý kiến của thủ trưởng, của người phụ trách luôn luôn có tính quyết định.

3. Hình thức quản lý hành chính nhà nước

Hình thức quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đây là mối quan hệ giữa hình thức và nội dung. Muốn thực hiện một nội dung quản lý hành chính nhà nước nào đó đều phải sử dụng hay thông qua một hình thức quản lý nhất định. Vì thế, trước khi tìm hiểu khái niệm về hình thức quản lý hành chính nhà nước cần phải xác định hoạt động quản lý hành chính nhà nước là gì?

Quản lý hành chính nhà nước hiểu theo nghĩa rộng là sự tác động có tổ chức, có định hướng của các loại cơ quan nhà nước đối với hành vi hoạt động của con người và các quá trình xã hội bằng quyền lực nhà nước, làm cho các hoạt động của nhà nước và các lĩnh vực của đời sống xã hội vận động, phát triển theo một trật tự nhất định, nhằm thực hiện mục đích quản lý nhà nước. Quản lý hành chính nhà nước chính là hoạt động quản lý nhà nước hiểu theo nghĩa hẹp.

Như vậy, quản lý hành chính nhà nước là sự tác động có tổ chức, có định hướng của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người bằng quyền lực nhà nước, làm cho các hoạt động của nhà nước và các lĩnh vực của đời sống xã hội vận động, phát triển theo một trật tự nhất định, nhằm thực hiện mục đích quản lý nhà nước.

Hoạt động quản lý hành chính nhà nước được phân loại như sau:

- Quản lý hành chính nhà nước cấp Trung ương và quản lý hành chính nhà nước cấp địa phương
 - Quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung(do cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền chung là Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp
-

thực hiện) và quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền riêng (do cơ quan hành chính nhà nước thẩm quyền riêng thực hiện).

- Quản lý hành chính nhà nước cấp vĩ mô.
- Quản lý hành chính nhà nước theo ngành và quản lý hành chính nhà nước theo lãnh thổ.

Các hoạt động cơ bản của quản lý hành chính nhà nước nêu trên đều sử dụng những hình thức hoạt động quản lý chung. Tuy nhiên, hoạt động quản lý hành chính nhà nước của mỗi loại cơ quan tùy thuộc vào chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của mình và ở mỗi phạm vi, lĩnh vực quản lý mà sử dụng những hình thức hoạt động quản lý khác nhau.

Vậy hình thức quản lý hành chính nhà nước là gì? Hình thức quản lý hành chính nhà nước được hiểu là sự biểu hiện ra bên ngoài của hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, hoặc công chức hành chính trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình đối với các quan hệ xã hội.

Hình thức quản lý hành chính nhà nước là hình thức thể hiện mối quan hệ giữa chủ thể quản lý đối với đối tượng bị quản lý. Mỗi chủ thể quản lý (cơ quan hay công chức hành chính) trong hoạt động.

3.1 Các hình thức quản lý hành chính nhà nước

Khoa học quản lý nhà nước khái quát sáu hình thức quản lý hành chính nhà nước sau đây:

a. Hình thức ra văn bản quản lý nhà nước

Nhà nước ta quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, trong quản lý, điều hành các cơ quan quản lý nhà nước, các cán bộ công chức hành chính không thể chỉ bằng lời nói, dấu hiệu, kí hiệu mà phải bằng văn bản quản lý.

Văn bản quản lý là ý chí của chủ thể quản lý, thể hiện những quy định cụ thể về việc cấm làm, hoặc buộc phải làm một việc nào đó, cho phép làm, hướng dẫn làm như thế nào và căn cứ vào đó, các chủ thể là đối tượng bị quản lý thực hiện. Đồng thời, văn bản quản lý là căn cứ đối chiếu với kết quả thực hiện để kiểm tra, đánh giá, xử lý hoặc truy cứu trách nhiệm về vật chất, trách nhiệm nhân sự, trách nhiệm về kỷ luật nhà nước, trách nhiệm hành chính và còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Văn bản quản lý có ba loại:

+Văn bản quy phạm pháp luật: do các cơ quan hành chính có thẩm quyền ban hành, như nghị định, nghị quyết, thông tư, quyết định, chỉ thị. Loại văn bản này được qui định nghiêm ngặt trong quản lý nhà nước, theo qui định của Luật Ban hành Văn bản qui phạm pháp luật. Thẩm quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước như sau: Chính phủ ban hành nghị định và nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định, chỉ thị; bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thông tư, quyết định; Ủy ban nhân dân ban hành quyết định, chỉ thị. Đối với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ban hành chỉ thị, quyết định; Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết. Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn không phải cơ quan hành chính nhưng các nghị quyết này chủ yếu là quyết định các biện pháp tổ chức thực hiện pháp luật và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, vì vậy, nội dung của nó rất gần gũi với nội dung của các quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

+Văn bản quản lý cá biệt, được gọi là các quyết định quản lý hay văn bản áp dụng pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước nhằm cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ xã hội phát sinh trong quản lý hành chính nhà nước.

+Văn bản quản lý thông thường như: công văn, công điện, thông báo, giấy giới thiệu, biên bản họp v.v..

b. Tổ chức hội nghị

Hội nghị là cuộc họp có tổ chức để bàn bạc công việc, ví dụ như cuộc họp của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, hay cuộc họp của một cơ quan nào đó. Hội nghị là hình thức hoạt động quản lý của tập thể lãnh đạo để đi đến một quyết định, chủ trương và biện pháp quản lý. Hội nghị thảo luận bàn bạc công việc có liên quan đến nhiều cơ quan, bộ phận, cần phải có sự kết hợp, phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau. Hội nghị còn có vai trò truyền đạt thông tin, học tập, biểu thị thái độ hoặc tuyên truyền, giải thích chủ trương, đường lối, pháp luật.

Hội nghị bàn các công việc sẽ có nghị quyết của hội nghị nhưng chỉ có những nghị quyết có tính văn bản qui phạm pháp luật mới có giá trị pháp lý. Còn lại là các quyết nghị có tính chất khuyến cáo, chỉ đạo hoặc đề ra các biện pháp quản lý cần áp dụng.

Hội nghị là hình thức cần thiết và quan trọng của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Tuy nhiên, cần tổ chức hội nghị khoa học có chương trình, nội dung cụ thể, tiến hành trong một thời gian ngắn nhưng mang lại hiệu quả cao.

Hội nghị là một hình thức làm việc phổ biến của các cơ quan hành chính nhà nước. Do đó, hội nghị phải thể hiện các nguyên tắc hoạt động của Nhà nước như nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo sự lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. Hội nghị được tiến hành khi cần thảo luận, bàn bạc. Trong hội nghị, thiểu số phải phục tùng đa số, những vấn đề quan trọng phải được sự tán thành của 2/3 số người dự hội nghị. Kết quả của hội nghị tùy thuộc vào theo nội dung được qui định trước.

Vì vậy, hình thức hội nghị cần được chuẩn bị, tổ chức chu đáo, vấn đề được thảo luận và vai trò của người chủ trì hội nghị là rất quan trọng.

c. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong quản lý hành chính nhà nước.

Hoạt động quản lý nhà nước nói chung và hoạt động quản lý hành chính nói riêng đều thông qua hành vi của con người. Nhưng trong điều kiện khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin phát triển, bùng nổ dữ dội thì hình thức quản lý đang gắn liền với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ. Vì vậy khái niệm chính phủ điện tử đã ra đời. Chủ thể quản lý nhà nước đang sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện kỹ thuật, ví dụ như sử dụng điện thoại Telex, Fax, truyền hình, điều khiển từ xa ghi âm, ghi hình, máy vi tính, điều tra xã hội học v.v..

Hình thức hoạt động quản lý này đang thay thế những hội nghị có tính chất giao ban, thông báo, thông tin. Vì vậy, hiện đại hoá, công nghệ hoá hoạt động quản lý đang là xu thế tất yếu thay thế hoạt động quản lý “thủ công” chủ yếu bằng sức người. Tuy nhiên với hình thức này, các phương tiện kỹ thuật không thể thay thế trách nhiệm, tư duy của cơ quan của công chức hành chính, nhất là công chức lãnh đạo. Người sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong quản lý phải chịu trách nhiệm chính trị, pháp lý và trách nhiệm vật chất trước pháp luật.

d. Hình thức phối hợp, kết hợp

Hình thức phối hợp, kết hợp mọi đơn vị, mọi cá nhân có liên quan trong hoạt động quản lý nhà nước là nhằm thực hiện các nhiệm vụ quản lý mang tính liên ngành giữa các địa phương và các cơ quan chức năng.

đ. Hình thức tác nghiệp xử lý điều hành công việc hàng ngày để thực hiện các kế hoạch quý, tháng, tuần của cơ quan, công chức hành chính

Hình thức này chủ yếu là các hoạt động duy trì nội quy, trật tự cơ quan, đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận, công chức thực hiện công vụ được giao.

Hình thức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quyết định quản lý.

Hình thức này giúp cho chủ thể quản lý nắm chắc tiến độ thực hiện nhiệm vụ, đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm để kịp thời xử lý các cơ quan, công chức dưới quyền và tổ chức, cá nhân khác thuộc đối tượng quản lý hành chính.

3.2. Vai trò của quản lý hành chính nhà nước

Quản lý hành chính nhà nước có quan hệ mật thiết với nền hành chính nhà nước, nên vai trò của quản lý hành chính nhà nước được thể hiện thông qua vai trò của nền hành chính nhà nước.

Thứ nhất, nền hành chính nhà nước là bộ phận lớn nhất trong hệ thống các cơ quan của bộ máy nhà nước, được tổ chức thành hệ thống chặt chẽ theo ngành và cấp từ Trung ương đến cơ sở. Vậy quản lý hành chính tốt sẽ giúp hệ thống có thể hoạt động thông suốt và hiệu quả.

Thứ hai, nền hành chính nhà nước có vai trò là hệ thống chuyển tải đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật đúng đắn nhưng nếu không có nền hành chính nhà nước tổ chức khoa học, đủ năng lực, quyền lực, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả thì đường lối, chính sách pháp luật không thể đi vào cuộc sống hoặc không được thực hiện tốt trong thực tiễn.

Mặt khác, trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, các cơ quan hành chính nhà nước còn góp phần cụ thể hoá và sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách và pháp luật

Thứ ba, hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước có vai trò trực tiếp xử lý công việc hàng ngày của nhà nước, thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với nhân dân, giải quyết các yêu cầu chính đáng, hợp pháp của nhân dân, là cầu nối trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Do tiếp xúc trực tiếp với cán bộ, nhân dân hàng ngày nên hệ thống cơ quan hành chính nhà nước là “bộ mặt” của Nhà nước. Nhân dân sẽ đánh giá nhà nước qua hoạt động của các cơ

quan hành chính nhà nước và qua cử chỉ, hành vi, thái độ và cung cách làm việc của các cơ quan này, cũng như của các cán bộ, công chức tiếp dân.

Thứ tư, nền hành chính nhà nước bảo đảm cho hoạt động quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực đời sống xã hội được thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được dự kiến, xử lý các tình huống, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

4. Cải cách hành chính

Cải cách hành chính nhà nước trở thành yêu cầu khách quan, cấp bách, xuất phát từ những căn cứ luận và thực tiễn dưới đây:

4.1. Cải cách nền hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới

Sự nghiệp đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, tạo ra những tiền đề rất quan trọng để chuyển đất nước sang giai đoạn phát triển mới-giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh những thuận lợi và thời cơ vẫn còn nhiều nguy cơ, thách thức không thể xem thường. Yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội đòi hỏi nhà nước, trực tiếp là nền hành chính phải được cải cách đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mới đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Cải cách nền hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân

Xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân là đòi hỏi và mong muốn của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đó là nước tuân thủ pháp luật, bảo đảm quản lý xã hội theo pháp luật, phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi vi phạm pháp luật; bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; chịu trách nhiệm trước nhân dân; chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nhân dân đòi hỏi và mong muốn

được yên ổn sinh sống, sản xuất kinh doanh trong môi trường an ninh, trật tự và dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu. Nền hành chính nhà nước có trách nhiệm trực tiếp trong việc đáp ứng những yêu cầu đó. Vì vậy, tiếp tục đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân trở thành yêu cầu khách quan, cấp bách.

4.3. Cải cách nền hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu hội nhập, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

Tăng cường hội nhập, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế, tạo môi trường thuận lợi, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới.

Yêu cầu hội nhập, mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế đòi hỏi thể chế hành chính, bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức hành chính phải thích ứng với luật pháp, tập quán và trình độ phát triển của khu vực và quốc tế. Nếu không đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước không thể đáp ứng được những yêu cầu đó, đồng thời khó đảm bảo sự phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập, mở rộng quan hệ quốc tế.

4.4. Cải cách hành chính nhà nước xuất phát từ yêu cầu khắc phục những yếu kém, hạn chế, khuyết điểm trong tổ chức, hoạt động của nền hành chính nhà nước

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, công cuộc cải cách hành chính nhà nước trong những năm qua đã đạt nhiều kết quả, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Những kết quả rõ nét, có ý nghĩa của cải cách hành chính thời gian qua là:

- Chức năng của các cơ quan trong hệ thống hành chính từ Chính phủ, các bộ, ngành đã có nhiều thay đổi, tập trung nhiều hơn vào quản lý nhà nước
 - Từng bước đổi mới thể chế hành chính trên các lĩnh vực, trước hết là hình thành thể chế kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
-

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp được sắp xếp, điều chỉnh tinh giản hơn trước; bộ máy hành chính từ Trung ương đến cơ sở vận hành phát huy tác dụng, hiệu quả tốt hơn.

- Việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức được đổi mới bước một theo các quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức từ khâu tuyển chọn, đánh giá, thi nâng ngạch, khen thưởng, kỷ luật đến đào tạo, bồi dưỡng. Chế độ, chính sách tiền lương bước đầu được cải cách theo hướng tiền tệ hoá.

Tuy vậy, tổ chức, hoạt động của nền hành chính nhà nước vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, hạn chế, cụ thể là:

- Nền hành chính nhà nước còn mang nặng dấu ấn của cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp, chưa đáp ứng được những yêu cầu phục vụ nhân dân trong điều kiện mới, hiệu lực quản lý chưa cao.

- Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ máy hành chính trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác định thật rõ và phù hợp; sự phân công, phân cấp giữa các ngành chưa thật rành mạch.

- Hệ thống thể chế hành chính chưa đồng bộ, còn chòng chéo và thiếu thống nhất; thủ tục hành chính trên nhiều lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp, trật tự, kỉ cương chưa nghiêm.

- Tổ chức bộ máy còn chồng chéo, nhiều tầng nấc; phương thức bản lý hành chính vừa tập trung quan liêu, lại vừa phân tán, chưa thông suốt; chưa có những cơ chế, chính sách tài chính thích hợp.

- Đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều yếu điểm yếu phẩm chất, tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính; phong cách làm việc chậm đổi mới; tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân tiếp tục diễn ra nghiêm trọng trong bộ phận cán bộ, công chức.

- Bộ máy hành chính ở các địa phương và cơ sở chưa thực sự gắn bó với dân, không nắm chắc được những vấn đề nổi cộm trên địa bàn, lúng túng, bị động khi xử lý các tình huống phức tạp.

II. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước

Công nghệ thông tin đã ngày càng đóng vai trò quan trọng, là một nhân tố thúc đẩy đổi mới thành công trong công cuộc đổi mới của Việt Nam. Việt Nam coi công nghệ thông tin là một trong những lĩnh vực ưu tiên, đặt nền móng cho những đột phá về phát triển trong lĩnh vực công nghệ cao nói riêng, công cuộc hiện đại hoá nói chung.

1. Khái niệm công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin là một hệ thống các phương pháp khoa học, các giải pháp công nghệ, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại nhằm tổ chức, khai thác sử dụng có hiệu quả tài nguyên thông tin, đáp ứng nhu cầu về thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội.

Từ khi công nghệ thông tin ra đời đã có những chuyển dịch đáng kể về công nghệ. Những chuyển dịch này làm cho việc xử lý thông tin tự động hiệu quả hơn, việc sử dụng các thiết bị tin học dễ dàng hơn, năng lực xử lý thông tin mạnh hơn và tin học, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi hơn vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Những chuyển dịch đó chủ yếu là: từ kỹ thuật tương tự sang kỹ thuật số; từ công nghệ bán dẫn truyền thống sang công nghệ vi xử lý; từ kiểu tính toán trên máy chủ sang mô hình có cấu trúc khách hàng-dịch vụ; từ các kiểu truyền thông dải rộng sang các siêu xa lộ thông tin, từ lập trình thủ công sang lập trình hướng đối tượng, từ giao diện đồ hoạ sang giao diện đa phương tiện.

2. Công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước.

Công nghệ thông tin đang được ứng dụng tích cực vào các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Lĩnh vực lãnh đạo quản lý cũng như các lĩnh vực khác đang chịu tác động của công nghệ thông tin và công nghệ thông tin có thể hỗ trợ công tác quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động của nó. Đồng thời, hoạt động lãnh đạo quản lý cũng có tác động lớn tới phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Ứng dụng công nghệ thông tin là sử dụng những kết quả của công nghệ thông tin để hỗ trợ cho các khâu công việc cần thiết và cuối cùng, ở mức cao nhất là hỗ trợ cho các tổ chức hoạt động và cá nhân tự trao đổi, khai thác thông tin trong môi trường công nghệ thông tin; cải tiến, đổi mới qui cách làm việc, đạt hiệu quả công việc cao hơn, đáp ứng được những thay đổi đang diễn ra.

Mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước các cấp đặt ra là trang bị, xây dựng tối thiểu ban đầu về kết cấu hạ tầng kỹ thuật thông tin; cung cấp các kiến thức kiến thức tin học cần thiết cho đội ngũ cán bộ sử dụng; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý một số công việc, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, góp phần tích cực vào việc cải cách hành chính các cấp.

Mục tiêu đến năm 2008 – 2010 ứng dụng CNTT cơ quan nhà nước, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ hành chính công, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực CNTT và phấn đấu năm 2010, 50% thông tin quản lý điều hành của cơ quan nhà nước lưu chuyển qua mạng. Từ năm 2011 đến 2015 trở thành chính phủ điện tử hoàn thiện ở đó cung cấp các dịch vụ hành chính công cơ bản trực tuyến như đăng ký, cấp phép, thanh toán qua mạng, cơ bản tích hợp các hệ thống, cơ sở dữ liệu. Lộ trình chính phủ điện tử cho những năm tiếp theo là 2020 chính phủ tích hợp cung cấp các dịch vụ hành chính công và tích hợp hoàn toàn các hệ thống thông tin.

III. Kinh nghiệm của các nước trong việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước và bài học rút ra cho Việt nam.

1. Kinh nghiệm của Singapore²

Sớm nhận thấy vai trò của CNTT trong việc quản lý hành chính nhà nước, những ưu điểm, cũng như những kết quả tích cực mà CNTT mang lại. Chính phủ Singapore đã có những kế hoạch, lộ trình đúng đắn để có thể ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước, để hướng đến một chính phủ điện tử gọn nhẹ, hiệu quả.

Nguyên tắc cơ bản nhất mà Singapore theo đuổi là làm thế nào tạo điều kiện dễ dàng nhất cho công dân và khách hàng hơn là cho bản thân cơ quan công quyền nào đó. Singapore dùng Internet để rút ngắn thời gian xử lý giấy tờ và đi lại.

Từ 1980 đến 1985 là giai đoạn đầu: chương trình phổ cập máy tính quốc gia. Trọng tâm của giai đoạn này là đảm bảo rằng Chính phủ có đủ những người có khả năng sử dụng máy tính. Họ có con số những người sử dụng máy tính ở Singapore và từ đó, có kế hoạch tăng số người có khả năng sử dụng hệ thống máy tính để tìm kiếm, xử lý dữ liệu... Singapore đã có những học bổng để cán bộ có thể ra nước ngoài học tập, xem xét và học hỏi kinh nghiệm chính phủ điện tử của các nước, và sau đó trở về nước xây dựng Chính phủ điện tử của Singapore. Trong tiến trình ở giai đoạn đầu này, Singapore đáp ứng đủ khả năng, đào tạo đủ số người có kiến thức để xây dựng chương trình, hệ thống cho Chính phủ.

Giai đoạn tiếp theo, khi đã có đủ nhân lực, Chính phủ bắt đầu điều chuyển nhân sự đã qua đào tạo sang các cơ quan khác nhau, kể cả các liên doanh với công ty tư nhân, giúp họ chạy các chương trình như hệ thống điều khiển điện tử tại cảng biển, sân bay. Những người có kinh nghiệm về chính

² Chính phủ điện tử phải bắt đầu từ con người_ <http://vietnamnet.vn/cntt/2007/11/753760/>

phủ điện tử cũng bắt đầu hoạt động trong các công ty tư nhân, chuyển tải những kiến thức về chính phủ điện tử từ Chính phủ sang khu vực tư nhân.

Sau đó, giai đoạn tiếp theo, bắt đầu từ năm 2000, họ tập trung vào thu thập các tài liệu, văn bản để đưa lên mạng Internet. Singapore bắt đầu triển khai hệ thống tìm dữ liệu trực tuyến. Trước đây, để tìm dữ liệu, bạn sẽ phải tìm kiếm trên một lượng văn bản khổng lồ, và nhờ các dữ liệu đã có sẵn trên mạng, người dân dễ dàng tiếp cận với chúng. Tuy nhiên, vào thời điểm này, chỉ khoảng vài trăm nghìn người tiếp cận được với thông tin này.

Trong vài năm tiếp theo, Singapore bắt đầu đào tạo để người dân có thể sử dụng hệ thống dữ liệu trực tuyến. Số người sử dụng sau đó tăng rất nhanh. Từng giai đoạn có một nội dung ưu tiên cần tập trung riêng. Ngày nay, những văn bản đang được thu thập tại Singapore là những văn bản hướng dẫn làm thế nào người dân có thể tham gia vào quá trình xây dựng chính sách. Mỗi giai đoạn, mỗi cơ cấu trong hệ thống đều đóng góp vào thành công chung của xây dựng Chính phủ điện tử

Ngay cả khi đã được Ngân hàng thế giới bình chọn là nước có môi trường kinh doanh tốt nhất thế giới, Singapore vẫn không ngừng phát triển và hoàn thiện chính phủ điện tử của mình, với quan điểm là cải cách hành chính không phải là đích đến, mà là công cụ để thực hiện các mục đích khác.

2. Bài học rút ra cho Việt Nam

Tiếp thu kinh nghiệm của các nước đi trước, để Việt nam có thể tiến hành cải cách hành chính, cũng như xây dựng chính phủ điện tử thành công cần phải nắm vững những nội dung sau:

Cần có sự chỉ đạo, định hướng của Đảng và Chính phủ, để đưa ra những mục tiêu cụ thể mang tính chiến lược.

Chính phủ phải chuẩn bị năng lực trên cả hai phương diện, bản thân nội tại chính phủ và cho công chúng. Đây không phải là vấn đề tính bằng tháng,

thậm chí không phải chỉ là vấn đề một vài năm, mà đôi khi, nó kéo dài nhiều năm. Một trong những điều cần làm cho một kế hoạch chuyên nghiệp về chính phủ điện tử là phải giáo dục và đào tạo, và việc này phải tiến hành ngay từ giai đoạn đầu, trước khi hệ thống được xây dựng và đi vào hoạt động.

Phải bắt đầu bằng việc chuẩn bị về con người, tiến hành các khóa học, các chương trình đào tạo tại các trung tâm máy tính giúp người dân có cơ hội thực nghiệm dùng Internet. Khi người dân đã cảm thấy thoải mái, thuận tiện để tiếp cận và sử dụng Internet, chúng ta có thể phát triển hệ thống, và để họ sử dụng hệ thống ấy.

Phải coi đây là chiến lược mang tính dài hạn. Vì vậy cần phải có những ưu tiên như: phải chỉ thị một cơ quan chủ quản thực hiện nhiệm vụ. Chỉ nên có một hoặc hai cơ quan hợp lại thành một hệ thống chịu trách nhiệm, để tránh việc có quá nhiều đơn vị cùng tham gia làm phức tạp, gây trở ngại cho công cuộc cải cách.

Đặc biệt là luôn tìm hiểu học hỏi kinh nghiệm của những nước đi trước đã thực hiện thành công. Bằng cách gửi các cán bộ sang học hỏi kinh nghiệm, thường xuyên tổ chức các khóa học, đào tạo, hợp tác giữa cán bộ của ta và các chuyên gia nước ngoài đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực đó.

CHƯƠNG II: SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I. Thực tiễn áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính ở Việt Nam.

Văn phòng Chính phủ đã được Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ nghiên cứu và thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước từ năm 1990.

Thực hiện nhiệm vụ đó, trong giai đoạn từ năm 1991 đến năm 1997, Văn phòng Chính phủ đã triển khai 4 Đề án, trong đó có 2 Đề án do Chính phủ Pháp tài trợ (giai đoạn 1991 - 1993 và giai đoạn 1994 - 1996); một Đề án do ngân sách nhà nước đầu tư theo chương trình quốc gia về công nghệ thông tin (giai đoạn 1996 - 1998); một Đề án mạng tin học diện rộng của Chính phủ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 280/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật do 4 Đề án nói trên tạo lập được trong thời gian qua đã đặt nền móng cho công tác tin học hóa quản lý và điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước trên phạm vi cả nước; thúc đẩy việc hình thành các hệ thống thông tin, các kho dữ liệu điện tử, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền các cấp.

Theo Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 11/CP ngày 24 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ, từ năm 1998, Chính phủ giao cho Văn phòng Chính phủ thống nhất quản lý mạng tin học diện rộng của Chính phủ; nói cách khác là thống nhất chỉ đạo công tác tin học hóa quản lý hành chính nhà nước trong phạm vi Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp.

Để đồng bộ với Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010, Thủ tướng Chính phủ quyết định Đề án tổng thể tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 với những nội dung chủ yếu sau đây và giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ

quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện.

1. Cơ sở của đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005

Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 dựa trên các cơ sở sau đây:

- Nghị quyết của Chính phủ số 49/CP ngày 04 tháng 8 năm 1993 về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong những năm 90 và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 211/TTg ngày 07 tháng 4 năm 1995 đã xác định quản lý nhà nước là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin theo đó, chương trình tin học hóa quản lý nhà nước đã được Chính phủ quyết định đầu tư bước đầu trong khuôn khổ chương trình quốc gia về công nghệ thông tin giai đoạn 1996 - 1998, trong đó có cả dự án đầu tư mạng tin học diện rộng của Chính phủ (kết quả đầu tư sẽ thể hiện ở phần sau).

- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Khóa 8 đã nêu nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin đối với các cơ quan Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2001 - 2005 như sau: "các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội đi đầu trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động theo phương châm bảo đảm tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả lâu dài. Tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước là bộ phận hữu cơ quan trọng của cải cách nền hành chính quốc gia, là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhằm tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Các cấp ủy, tổ chức Đảng chỉ đạo khẩn trương xây dựng các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ lợi ích công cộng của nhân dân, phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Sớm hoàn thiện, thường xuyên nâng cấp và sử dụng có hiệu quả mạng thông tin diện rộng của Đảng và Chính phủ."

Bảo đảm đến năm 2005, về cơ bản xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thông tin điện tử của Đảng và Chính phủ".

- Quyết định của Chính phủ về việc ký kết Hiệp định khung E-ASEAN (ASEAN điện tử) tại Hội nghị cấp cao không chính thức lần thứ 4 tại Singapore ngày 24 tháng 4 năm 2000, trong đó, theo Điều 3 và Điều 9, Việt Nam cam kết thực hiện mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử.

- Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 đã đề ra mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính nhà nước, theo đó, đến năm 2010, xây dựng và đưa vào vận hành mạng điện tử - tin học thống nhất của Chính phủ với hai giai đoạn 2001 - 2005; 2006 - 2010.

2. Nội dung tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005

2.1. Mục tiêu chung.³

Đề án được xây dựng theo mục tiêu chung đã được nêu trong Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị là: "*đến năm 2005, về cơ bản phải xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thông tin điện tử của Đảng và Chính phủ...*" nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp.

Trong khuôn khổ của Đề án này, mục tiêu chung đó được thể hiện trên các mặt:

Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước; đến cuối năm 2005, đưa hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ vào hoạt động.

Bám sát các mục tiêu của Chương trình cải cách hành chính nhà nước, thúc đẩy mạnh mẽ việc hiện đại hóa công nghệ hành chính, thực hiện tin học hóa các quy trình phục vụ nhân dân trong các lĩnh vực dịch vụ công, nâng cao

³ Quyết định [112/2001/QĐ-TTg](#) ngày 25/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

năng lực của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ công cho nhân dân và doanh nghiệp được thuận tiện, nhanh gọn và chất lượng cao.

- Đào tạo tin học cho cán bộ, công chức nhà nước, tạo khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ mới trong công việc thường xuyên, nhằm đáp ứng yêu cầu cao về hiệu quả và chất lượng công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể.

- Xây dựng các hệ thống tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước. Hoàn thiện và thống nhất áp dụng các chương trình ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành (thư tín điện tử, gửi nhận văn bản điện tử, quản lý hồ sơ công việc, quản lý cán bộ,...).

- Tổ chức xây dựng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, trước hết là ở những Bộ, ngành trọng điểm (kể cả 6 cơ sở dữ liệu quốc gia đã có Đề án): Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng, Thương mại, Hải quan, Lao động, Tư pháp, Giáo dục, Y tế để sử dụng chung.

Tin học hóa các dịch vụ công nhằm nâng cao năng lực của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc phục vụ nhân dân và doanh nghiệp thuận tiện, nhanh gọn và bảo đảm chất lượng.

- Đào tạo tin học: phổ cập công nghệ thông tin cho cán bộ lãnh đạo, chuyên viên và cán bộ nghiệp vụ của các cơ quan hành chính cấp huyện trở lên để có đủ khả năng sử dụng máy tính và mạng máy tính trong xử lý công việc thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, cải cách bộ máy tổ chức và lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ trên cơ sở gắn mục tiêu

tin học hóa quản lý hành chính nhà nước với chương trình cải cách hành chính của Chính phủ.

2.3. Phạm vi, đối tượng tin học hóa của Đề án bao gồm:

- Hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo các cấp ở Trung ương và địa phương.

- Hoạt động cung cấp dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước đối với nhân dân và doanh nghiệp.

2.4. Các nhóm Đề án mục tiêu.

Nhóm Đề án 1. Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Mỗi Bộ, ngành cần xây dựng hệ thống thông tin tin học hóa thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mỗi cơ quan để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Trong năm 2001, tiếp tục phát triển kết quả tin học hóa trong giai đoạn 1996 - 2000, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật mạng, đưa chương trình quản lý hồ sơ công việc, thư tín điện tử vào hoạt động, bảo đảm mọi cán bộ, chuyên viên có thể trao đổi thông tin trên mạng và truy nhập vào trang thông tin điện tử của Chính phủ.

Thực hiện chuẩn hóa thông tin thuộc lĩnh vực mình quản lý, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Tổng cục Thống kê và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành các chuẩn thông tin và công nghệ trong tin học hóa quản lý hành chính nhà nước.

Năm 2002 - 2003, xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ; trên cơ sở mạng diện rộng của Chính phủ, mở rộng mạng tin học của Bộ đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm phục vụ sự chỉ đạo nghiệp vụ của Bộ đối với các Sở, Ban, ngành; xây dựng trang thông tin điện tử của Bộ phục vụ quá trình ra quyết định; đồng thời chia sẻ thông tin chung với các cơ quan hành chính nhà nước khác.

Năm 2004 - 2005, tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các kho thông tin dữ liệu chuyên ngành, đưa các công cụ hỗ trợ ra quyết định vào các kho dữ liệu điện tử.

Đối với Bộ, ngành được giao nhiệm vụ thực hiện các loại dịch vụ công như: đăng ký, quản lý, cấp giấy phép... cần lập các đề án riêng để tin học hóa dịch vụ công nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

Nhóm Đề án 2. Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần xây dựng hệ thống thông tin tin học hóa phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong năm 2001, tiếp tục phát triển kết quả tin học hóa trong giai đoạn 1996 - 2000, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật mạng, đưa chương trình quản lý hồ sơ công việc, thư tín điện tử vào hoạt động, bảo đảm mọi cán bộ, chuyên viên có thể trao đổi thông tin trên mạng tin học của tỉnh và truy nhập vào trang thông tin điện tử của Chính phủ.

Năm 2002 - 2008, xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, kết nối các đơn vị cấp Sở, quận huyện với trung tâm mạng tin học quản lý hành chính của tỉnh; tùy theo khả năng và điều kiện, có thể mở rộng dần đến các đơn vị chính quyền cấp cơ sở. Cuối năm 2003, phải hình thành trung tâm dữ liệu kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố.

Năm 2004 - 2005, tiếp tục hoàn thiện, mở rộng hạ tầng thông tin và công nghệ của giai đoạn trước, từng bước thực hiện tin học hóa các quy trình phục vụ nhân dân trong các lĩnh vực quản lý nhà, đất, xây dựng, đăng ký kinh doanh.... tạo cho người dân tham gia trao đổi thông tin, nhận thông tin trực tiếp hơn với hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

Đến cuối năm 2004, phải tin học hóa được một số dịch vụ công: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở: giấy phép xây dựng, đăng ký kinh doanh, quản lý dân cư, giao dịch bảo đảm...

Nhóm Đề án 3. Xây dựng hệ thống các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tin học hóa quản lý, điều hành.

Cơ sở dữ liệu quốc gia là các kho thông tin phục vụ quản lý, điều hành của Chính phủ, bảo đảm cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin cần thiết về kinh tế, văn hóa, xã hội, hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước ban hành các quyết định quản lý, điều hành. Giai đoạn 1996 - 1998, Nhà nước đã đầu tư cho 6 cơ sở dữ liệu quốc gia và giao cho 6 cơ quan chủ trì. Giai đoạn 2001 - 2005, cần tiếp tục thực hiện dự án khả thi của các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được phê duyệt và một số cơ sở dữ liệu quốc gia mới, bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế - xã hội,
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật,
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức,
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư,
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên đất,
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính,
- Cơ sở dữ liệu về thông tin xuất nhập khẩu,
- Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.

Các cơ sở dữ liệu quốc gia nêu trên, ngoài chức năng phục vụ các hoạt động quản lý, điều hành của nhà nước, cần được tận dụng khai thác (theo các

quy định cần thiết và giao thức thuận tiện) cho các đối tượng doanh nghiệp và nhân dân nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, nghiên cứu, phát triển văn hóa, xã hội.

Các Bộ, ngành khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và tích hợp trên mạng diện rộng của Chính phủ, tạo thành nguồn tài nguyên thông tin quốc gia.

Trong năm 2001, những Bộ, ngành chủ trì các Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia đã triển khai trước đây cần hoàn thiện hạ tầng cơ sở kỹ thuật, tập trung xây dựng thông tin dữ liệu, nhằm phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Năm 2002 - 2005, tập trung vào nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và tích hợp cơ sở dữ liệu trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ.

Nhóm Đề án 4. Đào tạo cán bộ, công chức hành chính nhà nước.

Từ 2001 đến 2005, các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân các địa phương phải bảo đảm đại bộ phận cán bộ, công chức được đào tạo về tin học, nắm được kỹ năng làm việc trên mạng máy tính; ưu tiên cho các cán bộ, chuyên viên làm việc trực tiếp tạo nguồn thông tin dữ liệu trên mạng máy tính.

Văn phòng Chính phủ xây dựng chương trình đào tạo cán bộ công chức làm việc trong môi trường tin học hóa; đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư tin học trong cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm trình độ cập nhật kịp với tốc độ phát triển công nghệ cao, có khả năng phân tích hệ thống, quản lý triển khai có hiệu quả hệ thống thông tin quản lý.

Nhóm Đề án 5. Nâng cấp mạng tin học diện rộng của Chính phủ (CPNET), bảo đảm cho mạng này đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống tin học của các cơ quan hành chính nhà nước.

Mạng tin học diện rộng của Chính phủ đóng vai trò như là trục truyền thông của các cơ quan hành chính nhà nước, kết nối mạng tin học của các Bộ,

ngành, địa phương, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Năm 2001 - 2002, tiến hành mở rộng mạng tin học diện rộng của Chính phủ, nâng cấp các đường truyền số liệu kết nối với các Bộ, ngành, Văn phòng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thiết lập hệ thống thư tín điện tử phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và nhu cầu trao đổi thông tin cho cơ quan hành chính các cấp tham gia mạng tin học diện rộng của Chính phủ.

Năm 2002 - 2003, xây dựng trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu của Chính phủ; bảo đảm cho trung tâm này có khả năng tích hợp được các trung tâm tích hợp dữ liệu của các Bộ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thử nghiệm mô hình hoạt động giao ban, hội họp có hình qua mạng (Video Conference).

Năm 2004 - 2005, hoàn thiện mạng tin học diện rộng của Chính phủ, tích hợp với mạng tin học diện rộng của Đảng; bảo đảm khả năng phục vụ truyền thông của các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Đảng truy nhập mạng với số lượng lớn. Văn phòng Chính phủ chủ trì xây dựng và phát triển mạng diện rộng của Chính phủ.

Nhóm Đề án 6. Xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn, bảo mật cho mạng tin học quản lý nhà nước rong các cơ quan hành chính nhà nước.

Năm 2001 - 2002, xây dựng đề án bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cho mạng tin học của các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tính xác thực trong việc trao đổi văn bản điện tử, chữ ký điện tử.

Năm 2003 - 2005, triển khai hệ thống bảo mật thông tin, chuẩn bị đủ điều kiện để đưa hệ thống thông tin điện tử của Đảng và Chính phủ vào hoạt động với độ tin cậy cao.

Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng và thực hiện Đề án bảo đảm an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ.

3. Đầu tư (giai đoạn 2001 - 2005)

3.1. Yêu cầu kiến trúc hệ thống tin học hóa quản lý hành chính nhà nước:

Hệ thống gồm các thành phần là các hệ dữ liệu thông tin tương đối độc lập của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ) và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh). Các thành phần của hệ thống có quan hệ ngang và quan hệ dọc.

Quan hệ ngang là quan hệ trao đổi, chia sẻ thông tin có tính chất chuyên môn của mỗi ngành.

Quan hệ dọc là quan hệ chủ yếu dựa theo cấu trúc phân cấp thẩm quyền, chức năng quản lý nhà nước trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

Theo yêu cầu thông tin để thực hiện nhiệm vụ quản lý trong mỗi hệ thống tổ chức, việc tin học hóa phải được thực hiện ngay từ ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tại cấp trên cùng của từng hệ thống (Bộ, tỉnh) sẽ hình thành một trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi mình phụ trách. Trung tâm này không phải là nơi cập nhật, lưu trữ các dữ liệu điều hành, mà là nơi liên kết các cơ sở dữ liệu tác nghiệp của các đơn vị trong từng hệ thống. Trung tâm có chức năng cung cấp, chia sẻ thông tin chung, truyền các mệnh lệnh quản lý thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, công văn hành chính của các cấp hành chính có thẩm quyền.

Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu của mỗi hệ thống quan hệ với trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu của hệ thống khác theo kiểu quan hệ ngang thông qua trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu của Chính phủ.

Như vậy, Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu sẽ hình thành tại các cấp sau:

a) Cấp Chính phủ: Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu đặt tại trung tâm mạng tin học diện rộng của Chính phủ (Văn phòng Chính phủ);

b) Cấp Bộ: Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu đặt tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Cấp tỉnh: Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu đặt tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân tỉnh.

Trung tâm tích hợp dữ liệu của Chính phủ có chức năng, nhiệm vụ liên kết cơ sở dữ liệu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chia sẻ thông tin chung giữa các đơn vị này, nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước cấp Bộ, tỉnh.

Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu cấp Chính phủ cũng cung cấp hạ tầng truyền thông chung giữa các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua mạng tin học diện rộng của Chính phủ.

Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu cấp Bộ liên kết các cơ sở dữ liệu điều hành của Bộ, kể cả các đơn vị chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ theo ngành dọc thuộc ủy ban nhân dân các địa phương; cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị trong Bộ và cung cấp, chia sẻ thông tin với các Bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh qua trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu cấp Chính phủ.

Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu cấp tỉnh có chức năng liên kết cơ sở dữ liệu tác nghiệp của các Sở, Ban, ngành, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, xã, phường trong tỉnh, chia sẻ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị trong tỉnh. Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu của tỉnh cũng cung cấp hạ tầng truyền thông chung giữa các Sở, Ban, ngành, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, xã, phường thông qua mạng tin học diện rộng của tỉnh.

Trên cơ sở phân tích hệ thống tin học hóa quản lý hành chính nhà nước trên đây sẽ ưu tiên đầu tư vào các Trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu, trực truyền thông hỗ trợ liên kết ngang giữa các Bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.2. Mạng tin học diện rộng của Chính phủ.

Mạng tin học diện rộng của Chính phủ được xây dựng theo Quyết định số 280/TTG ngày 29 tháng 4 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, được thiết kế và xây dựng theo kiến trúc phân cấp của các cơ quan hành chính nhà nước và được chia theo các mức :

Mức A: Cấp Chính phủ,

Mức B: Cấp Bộ, tỉnh,

Mức C: Cấp Sở, Ban, ngành, huyện, thị hoặc cục, đơn vị trực thuộc Bộ,

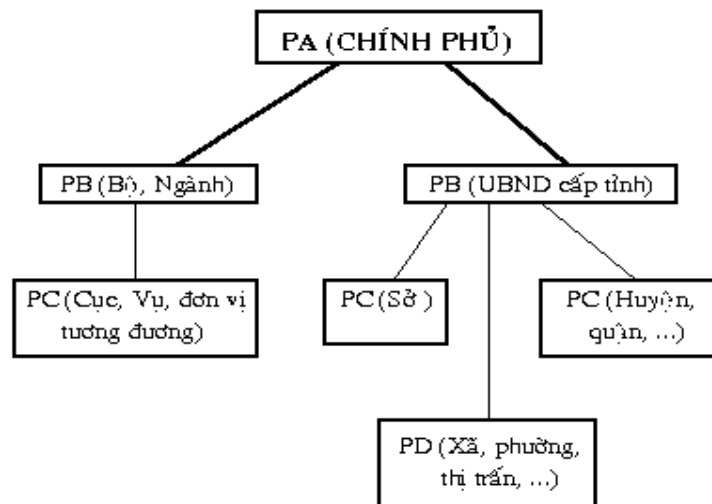
Mức D: Cấp xã, phường.

Tại mức A và mức B sẽ hình thành các trung tâm tích hợp cơ sở dữ liệu.

Các đơn vị hành chính cấp Bộ, cấp tỉnh sẽ liên kết với nhau qua mạng tin học diện rộng của Chính phủ thông qua trung tâm mạng đặt tại Văn phòng Chính phủ.

Các đơn vị hành chính cấp tỉnh sẽ liên hệ với nhau qua trung tâm mạng tin học diện rộng của tỉnh đặt tại Văn phòng Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở, Ban, ngành trực thuộc tỉnh liên hệ với Bộ thông qua mạng diện rộng của tỉnh và của Chính phủ (minh họa bằng sơ đồ dưới đây).

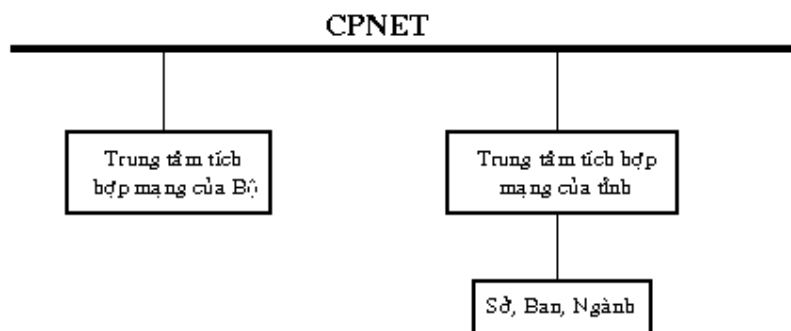


Sơ đồ kiến trúc các mức của mạng tin học diện rộng của Chính phủ

Các đơn vị hành chính cấp Bộ, cấp tỉnh sẽ liên kết với nhau qua mạng tin học diện rộng của Chính phủ thông qua trung tâm mạng đặt tại Văn phòng Chính phủ.

Các đơn vị hành chính cấp tỉnh sẽ liên hệ với nhau qua trung tâm mạng tin học diện rộng của tỉnh đặt tại Văn phòng Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đơn vị trực thuộc Bộ; Sở, Ban, ngành trực thuộc tỉnh liên hệ với Bộ thông qua mạng diện rộng của tỉnh và của Chính phủ (minh họa bằng sơ đồ dưới đây).



Sơ đồ liên kết các Sở, Ban, Ngành với các Bộ, ngành qua CPNET

Mạng tin học diện rộng của Chính phủ (gọi là trạng CPNET) đã được thiết kế theo kiến trúc chung của hệ thống tin học hóa quản lý nhà nước, bao gồm:

- Một trục truyền thông Bắc - Nam tốc độ 64 KB kiểu X25,
- 35 đường ISDN nối 35 cơ quan Bộ với Văn phòng Chính phủ,
- Kết nối 61 Văn phòng Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh với mạng CPNET; nhiều ủy ban nhân dân tỉnh đã mở rộng mạng của Chính phủ xuống đến các cơ quan cấp Sở, Ban, huyện, thị, xã, phường.

Như vậy, mạng CPNET đã là cơ sở hạ tầng kỹ thuật của hệ thống tin học hóa quản lý nhà nước trong giai đoạn đầu tư mới.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước phải được tổ chức đồng bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước; dựa vào bộ máy hành chính hiện có của Bộ, tỉnh để tổ chức thực hiện đề án. Việc tổ chức được phân ra các cấp như sau:

a) Chỉ đạo chung:

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với một số cơ quan liên quan:

Tổ chức việc điều phối, hướng dẫn xây dựng và triển khai các Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước tại các Bộ, ngành và ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều phối các dự án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước có tính liên Bộ và liên tỉnh.

Xác định chuẩn thông tin hành chính cấp quốc gia.

- Xây dựng hệ thống bảo vệ an toàn cho mạng tin học thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- Tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, kể cả các cơ sở dữ liệu thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ để

cung cấp thông tin cho các cơ quan hành chính nhà nước, các đối tượng nghiên cứu khác.

Chủ trì soạn thảo, trình, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm căn cứ pháp lý cho việc trao đổi, khai thác thông tin điện tử trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ.

b) Cấp Bộ:

- Phân tích nhu cầu tin học hóa của Bộ, xây dựng Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của Bộ. Đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các Đề án tin học hóa trong phạm vi của Bộ.

- Xây dựng và lưu trữ thông tin điện tử thuộc phạm vi thẩm quyền.
- Áp dụng chuẩn thông tin và bảo vệ thông tin.

c) Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản đầu tư ; Văn phòng Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ đầu tư, chịu trách nhiệm :

- Phân tích nhu cầu tin học hóa của tỉnh, xây dựng Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của tỉnh;

- Đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các Đề án tin học hóa trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng và lưu trữ thông tin điện tử thuộc phạm vi thẩm quyền;
- Áp dụng chuẩn thông tin và bảo vệ thông tin;

- Chủ động phối hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng địa bàn nhằm thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của tỉnh tiết kiệm và có hiệu quả.

4.2. Về tổ chức bộ máy:

a. Kiện toàn tổ chức các đơn vị tin học trong các cơ quan hành chính nhà nước :

- Các Bộ, ngành phải thành lập trung tâm tin học trực thuộc Bộ để chủ trì xây dựng và triển khai Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, phục vụ quản lý, điều hành của Bộ trưởng.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương thành lập trung tâm tin học trực thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh để chủ trì xây dựng và thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, phục vụ quản lý và điều hành của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b. Thành lập Ban điều hành Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 do Văn phòng Chính phủ chủ trì với sự tham gia của đại diện các cơ quan :

- Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4.3. Các chính sách và biện pháp thực hiện:

a) Tạo nguồn thông tin và chuẩn hóa thông tin.

Văn phòng Chính phủ chủ trì, cùng Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành các quy định về chuẩn thông tin cho các hoạt động điều hành. Các Bộ, ngành công bố các chuẩn thông tin chuyên ngành.

Có chính sách khuyến khích tạo nguồn thông tin, xây dựng các kho cơ sở dữ liệu điện tử.

b) Trao đổi thông tin và bảo mật.

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình, ban hành các văn bản pháp quy cho việc khai thác, trao đổi thông tin điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân,

với quốc tế; đồng thời bảo đảm được quyền sở hữu và bí mật thông tin của Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội và của cá nhân.

c) Chính sách hỗ trợ và huy động nguồn vốn cho phát triển mở rộng hệ thống thông tin quản lý.

Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng và mở rộng hệ thống tin học hóa của Nhà nước. Thực hiện thu phí đối với các dịch vụ hành chính công để đầu tư lại cho hệ thống.

Khuyến khích việc đầu tư tin học hóa để cung cấp, phổ biến thông tin luật pháp, kinh tế, xã hội và thông tin về hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước cho công chúng.

d) Chính sách về sử dụng mạng viễn thông truyền dữ liệu.

Nhà nước có chính sách cước phí viễn thông ưu đãi cho các hoạt động quản lý và điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước và các hoạt động phổ biến thông tin pháp luật đến công chúng và doanh nghiệp.

e) Chính sách mua sắm sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin.

Tất cả các kế hoạch mua sắm cho tin học hóa quản lý hành chính nhà nước phải thông qua đấu thầu và hợp đồng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ. Việc tổ chức đấu thầu mua sắm có thể tổ chức thực hiện tập trung nhằm giảm bớt chi phí và giá mua sắm sản phẩm, dịch vụ; đồng thời bảo đảm lựa chọn đúng công nghệ và chất lượng.

4.4. Tiến độ thực hiện:

a. Giai đoạn chuẩn bị (năm 2001):

Từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 12 năm 2001, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của đơn vị mình theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ để trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Đề án trước tháng 12 năm 2001.

Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính cần hướng dẫn cụ thể về công nghệ, tài chính để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Đề án có tính khả thi cao.

b. Giai đoạn triển khai thực hiện:

Từ tháng 1 năm 2002, bắt đầu triển khai Đề án tin học hóa quản lý nhà nước. Các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Đề án được phê duyệt triển khai công việc tin học hóa của mình.

4.5. Trách nhiệm của các Bộ, ngành:

Việc triển khai Đề án, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra triển khai các Đề án được phân công như sau:

a. Văn phòng Chính phủ:

- Quản lý thống nhất lĩnh vực tin học hóa quản lý hành chính nhà nước trong phạm vi toàn quốc; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương thực hiện Đề án tin học hóa;

- Phối hợp với Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chuẩn hóa các loại thông tin cho các hoạt động quản lý điều hành quan trọng nhất của Nhà nước;

- Tổng hợp tình hình thực hiện Đề án tin học hóa của các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý lên Thủ tướng Chính phủ;

- Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả mạng tin học diện rộng của Đảng, Chính phủ.

b. Bộ Kế hoạch và Đầu tư :

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đưa Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 vào kế hoạch nhà nước hàng năm để bảo đảm cơ sở thực hiện Đề án.

c. Bộ Tài chính:

-Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ cân đối mức ngân sách nhà nước dành cho Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước trong tổng dự toán ngân sách nhà nước để trình Chính phủ xem xét, quyết định;

Cấp phát kinh phí hàng năm cho từng Đề án đã được xét duyệt; hướng dẫn, kiểm tra tài chính trong việc thực hiện Đề án; tổng hợp tình hình cấp phát kinh phí hàng năm cho từng Đề án và duyệt quyết toán kinh phí các Đề án đã kết thúc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ:

-Ban hành Quy chế về tổ chức các đơn vị tin học chuyên trách phục vụ công tác tin học hóa quản lý hành chính nhà nước; quy định tiêu chuẩn, chức danh cán bộ tin học làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Phối hợp chung để gắn việc triển khai thực hiện Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước với chương trình cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2001 – 2010.

II. Những thành công và thất bại từ thực tiễn áp dụng mô hình này vào Việt Nam.

1. Những thành công đạt được:

TP. Đà Nẵng là một trong những địa phương sớm tham gia thực hiện Chương trình Quốc gia về CNTT. Từ những năm 1997, công tác tin học hóa quản lý hành chính đã được thực hiện tại Văn phòng UBND và một số sở, ban, ngành thành phố; nhiều cơ quan đã được trang bị máy tính, thiết bị ngoại vi và các phần mềm quản lý chuyên ngành; công tác đào tạo kiến thức tin học cho cán bộ, công chức được chú trọng hơn; thói quen sử dụng máy tính hỗ trợ cho công tác nghiệp vụ ở công sở bắt đầu được hình thành. Tuy nhiên, ứng dụng CNTT tại các cơ quan Đảng, Nhà nước chỉ thực sự có những bước phát triển đột

phá khi Đà Nẵng triển khai “Đề án Tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 – 2005” và đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận.

Kết quả đạt được⁴

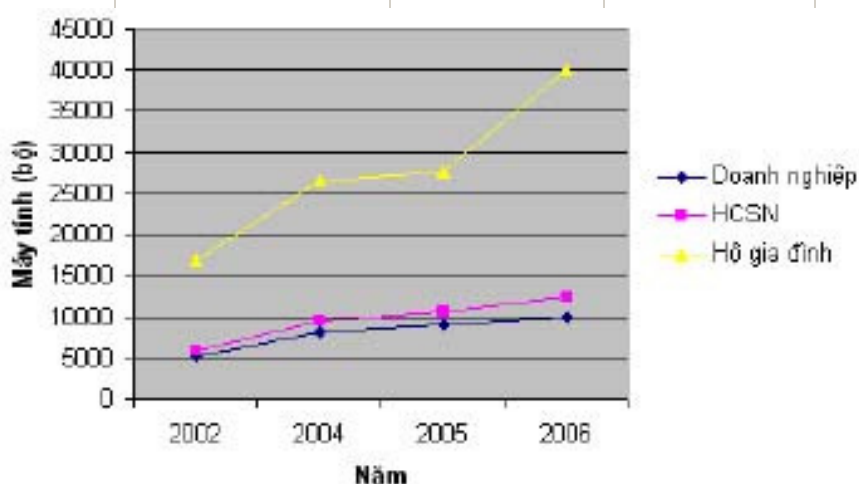
1. Hạ tầng CNTT-TT được đầu tư phát triển khá mạnh mẽ, trong đó hạ tầng viễn thông đã phát triển rất mạnh cả về quy mô mạng lẫn chất lượng dịch vụ (Bảng 1); số lượng máy tính trên địa bàn tăng đáng kể (Biểu đồ 1), các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện đều được trang bị hạ tầng kỹ thuật CNTT khá đầy đủ, bao gồm máy tính, thiết bị ngoại vi, mạng cục bộ (LAN). Tính đến cuối tháng 12/2005, đã xây dựng 35 mạng LAN tại 35 sở, ban, ngành, quận, huyện, với 1275 máy tính, phục vụ cho khoảng 1.400 cán bộ, công chức; gần đạt mức mỗi người một máy tính. Song song với việc đầu tư này, quá trình thử nghiệm mạng trực thông qua hạ tầng của Bưu điện thành phố bằng công nghệ SHDSL cũng được tiến hành; đã bảo đảm cho việc trao đổi thông tin cũng như triển khai các ứng dụng trên mạng giữa các sở, ban, ngành, quận, huyện và kết nối với Trung tâm Tích hợp dữ liệu thành phố để khai thác thông tin phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành.

Như vậy, thành phố đã xây dựng được một hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT tương đối đồng bộ trong tất cả 35 cơ quan quản lý hành chính nhà nước, kết nối với mạng thông tin của Chính phủ (CPNet), góp phần hình thành mạng thông tin hành chính của cả nước như mục đích mà Chính phủ đã đề ra cho giai đoạn 2001 - 2005. Việc hình thành hệ thống mạng máy tính của thành phố đã hỗ trợ rất nhiều trong công tác chỉ đạo, điều hành hành tác nghiệp của lãnh đạo thành phố và các sở, ban, ngành, quận, huyện; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công ở các đơn vị.

⁴ Kinh nghiệm triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước của TP Đà Nẵng.

Bảng 1: Hạ tầng CNTT-TT từ 1997 đến 2006

Năm	Máy điện thoại cố định	Số nhà cung cấp	Internet	Internet băng rộng
1997	21.419	1	0	0
2000	46.062	1	0	0
2003	95.972	1	19.452	153
2005	130.020	2	33.776	4.012
2006 (ước tính)	165.000	3	36.000	10.500



Biểu đồ 1: Mô tả số lượng máy tính 2002 đến 2006

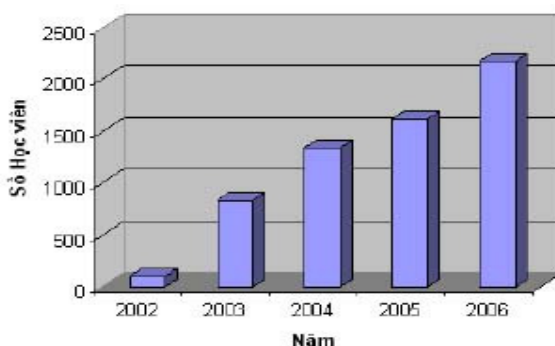
2. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan hành chính: Thành phố đã tập trung đào tạo CNTT cho tất cả lực lượng công chức, viên chức; đồng thời, tuyển dụng và bổ sung các kỹ sư CNTT cho các sở, ban, ngành. Tính đến cuối năm 2006, sau 04 năm đào tạo, đã có hơn 2000 cán bộ, công chức tốt nghiệp các khóa học CNTT từ 3 đến 9 tháng và về cơ bản, các đơn vị đều đã có nguồn nhân lực CNTT đủ sức đảm đương công tác tin học hóa tại đơn vị mình. (Biểu đồ 2).

3. Công tác ứng dụng CNTT được triển khai đều khắp tại các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, phục vụ trực tiếp cho công tác điều hành, tác nghiệp, bao gồm:

- Trang Thông tin điện tử thành phố (www.Danang.gov.vn) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng rất có hiệu quả trong gần 3 năm qua với 3 thứ tiếng Việt, Anh, Nhật và đã kết nối với các trang thông tin điện tử chuyên ngành của các, sở, ban, ngành trong thành phố.

- Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được triển khai tại nhiều đơn vị và việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác chuyên môn tại các cơ quan là khá phổ biến.

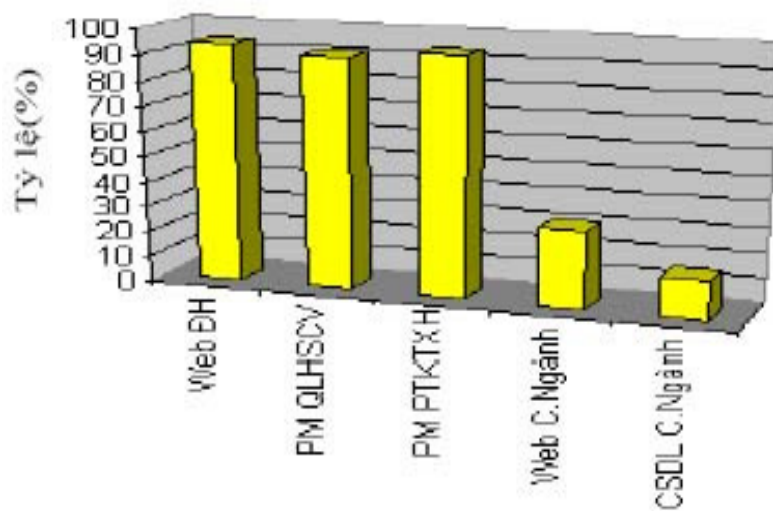
- Website điều hành, các phần mềm dùng chung và Website chuyên ngành đã được sử dụng tại hầu hết các đơn vị (Biểu đồ 3), phục vụ trực tiếp cho tác nghiệp hàng ngày của cán bộ, công chức.



Biểu đồ 2: Đào tạo tin học từ năm 2002 - 2006

4. Dịch vụ hành chính công đang được triển khai, ở cấp độ thử nghiệm, nhưng đã đem lại lợi ích thiết thực cho công dân; chẳng hạn như: đăng ký kinh doanh qua mạng, cấp phép xây dựng, trả lời chất vấn của công dân qua mạng, hỗ trợ kỹ thuật về CNTT, v.v... Cổng giao dịch thương mại điện tử (TMĐT) của Thành phố cũng đã được xây dựng và đưa vào hoạt động, phục vụ cho hàng trăm doanh nghiệp nắm bắt các thông tin thị trường, xúc tiến thương mại. Đặc biệt, với trang Web “Xúc tiến TMĐT” của Softech, các

doanh nghiệp có thể tự xây dựng, cập nhật và giới thiệu các thông tin về sản phẩm và dịch vụ của mình một cách rất tiện lợi và miễn phí. Đào tạo CNTT qua mạng cũng đã được triển khai, trước hết dành cho đối tượng cán bộ công chức nâng cao trình độ và cập nhật kiến thức CNTT, phục vụ trực tiếp cho công cuộc tin học hóa quản lý hành chính nhà nước của Thành phố. Ngoài ra, Đà Nẵng cũng đang khẩn trương xây dựng và chuẩn bị đưa vào vào hoạt động các hệ thống hỗ trợ dịch vụ trong lĩnh vực khá nhạy cảm như đấu thầu qua mạng, mua sắm qua mạng,...



Biểu đồ 3: Các ứng dụng CNTT phục vụ quản lý hành chính nhà nước

Kinh nghiệm và giải pháp

Qua thực tế triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước tại TP. Đà Nẵng, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

1. Quyết tâm của lãnh đạo và sự đồng thuận của các cấp, các ngành là yếu tố hàng đầu quyết định sự thành công của tin học hóa quản lý hành chính nhà nước: Thành phố đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích và tạo động

lực phát triển CNTT-TT; các cơ quan, đơn vị có lãnh đạo quan tâm, tình hình ứng dụng CNTT nơi đó rất tốt.

2. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cho CNTT. Đây là tiền đề quan trọng để triển khai ứng dụng CNTT. Không giải quyết được bài toán đầu tư hạ tầng thì không xây dựng được hệ thống thông tin và do đó sẽ không thể đẩy mạnh được tin học hóa một cách mạnh mẽ và đồng bộ.

3. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT phải đi trước một bước - xem đây là ưu tiên hàng đầu trong đầu tư cho CNTT. Nên thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT cho thành phố với nhiều hình thức: kết hợp giữa đào tạo tập trung với đào tạo ngắn hạn; đào tạo tại chỗ, đào tạo từ xa, gửi đi đào tạo ở nước ngoài,

4. Quán triệt quan điểm đầu tư cho CNTT là đầu tư cho phát triển. Do đó, tất cả các cấp, các ngành phải xây dựng và duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT - đặc biệt là các cơ quan kế hoạch, tài chính,.. Trong bối cảnh còn nhiều hạn chế về nguồn lực, cần huy động mọi nguồn lực có thể để đầu tư cho ứng dụng CNTT.

Sự thành công bền vững của một chủ trương, đó chính là sự cam kết của lãnh đạo, xác định mục tiêu và kiểm soát việc thực hiện chúng trong sự hợp tác chặt chẽ của các thành phần để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Đó chính là các yếu tố quyết định, hướng tới xây dựng chính phủ điện tử cho TP. Đà Nẵng trong thời gian tới. Để đạt được mục tiêu đó, thành phố vừa ban hành “Kế hoạch phát triển CNTT giai đoạn 2006-2010” với 11 chương trình: CNTT trong Quản lý Nhà nước; CNTT trong các cơ quan Đảng; CNTT trong kinh tế; xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phần cứng; xây dựng và phát triển ngành công nghiệp phần mềm; xây dựng và phát triển ngành công nghiệp dịch vụ CNTT; xây dựng Trung tâm CNTT-TT TP. Đà Nẵng; ứng dụng CNTT trong giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; phát triển nguồn nhân lực

CNTT; xây dựng và phát triển hạ tầng truyền thông thành phố; ứng dụng công nghệ GIS phục vụ quản lý. Để thực hiện 11 chương trình, TP. Đà Nẵng có các giải pháp cụ thể:

- Nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT-TT;
- Đẩy mạnh triển khai liên tục công tác ứng dụng CNTT gắn liền với thực tiễn quản lý hành chính;
- Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn nhân lực CNTT –TT;
- Tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng CNTT-TT;
- Hoàn thiện môi trường hỗ trợ cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT;
- Phát triển thị trường CNTT-TT;
- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về CNTT;

Kết quả ở một số tỉnh và thành phố khác:

Từ tháng 12-1999, quận Phú Nhuận đã được chọn là một trong những quận đầu tiên của TPHCM thực hiện Đề án Tin học hóa trong công tác cải cách hành chính của Chính phủ (gọi tắt là Đề án 112). Để chủ trương đi vào cuộc sống, quận Phú Nhuận đã đầu tư hơn 500 triệu đồng trang bị hệ thống vi tính từ quận xuống phường và phân công chị Dương Thị Hoa, Phó chánh Văn phòng UBND quận Phú Nhuận, làm Phó Trưởng ban Thường trực Đề án 112 của quận Phú Nhuận do chị Thái Thị Ngọc Dung, Phó Chủ tịch UBND quận làm Trưởng ban. Công việc này đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Từ tháng 1-2000 đến nay, quận Phú Nhuận đã nối kết được 53 điểm trong hệ thống mạng CNTT liên thông từ phường tới quận, UBND TPHCM và Chính phủ. Khi điều hành công việc và cập nhật thông tin cũng như tiếp nhận chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chỉ cần click là cập nhật được các thông tin cần thiết. Trong dịp bầu cử HĐND 3 cấp vừa qua, quận

Phú Nhuận là một trong những đơn vị ứng dụng CNTT trong công tác bầu cử nên đã đạt kết quả cao, được UBND TPHCM và Trung ương đánh giá cao.

Trong quá trình ứng dụng CNTT, chị Hoa làm việc với tất cả lòng nhiệt tình và niềm đam mê khoa học. Với chị, trong thời kỳ CNH, HĐH hiện nay, phải ứng dụng CNTT để mang lại hiệu quả cao nhất. Mỗi người giỏi CNTT sẽ vừa giảm bớt gánh nặng công việc, vừa nâng cao năng suất làm việc gấp nhiều lần. Ý thức rõ điều đó, chị đã động viên khuyến khích anh chị em học tập nâng cao kiến thức vi tính, nhờ vậy, đội ngũ cán bộ ứng dụng CNTT của quận Phú Nhuận đã sử dụng vi tính khá thành thạo.

Sau thời gian ngắn thực hiện Đề án 112, đến nay quận Phú Nhuận đã có những bước đi vững chắc trong việc khai thác mạng trên hệ thống Loutusnot, thực hiện chuyển văn bản và lập chương trình công tác; tiếp nhận báo cáo nhanh từ cơ sở; nhận sự chỉ đạo nhanh từ quận xuống phường...

Việc ứng dụng CNTT tại quận Phú Nhuận đã đem lại tiện ích ban đầu trong công tác cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa, một dấu” từng bước đã hình thành hệ thống tiếp nhận, giải quyết và hoàn trả hồ sơ thủ tục hành chính cho dân nhanh chóng, đúng hẹn, không để dân phải đi lại nhiều lần như trước. Những hồ sơ có vướng mắc về kỹ thuật cũng như chậm hoàn trả khiến dân thắc mắc, cán bộ có trách nhiệm chỉ cần truy cập vào mạng là tìm ra nguyên nhân chậm trễ xuất phát từ khâu nào, tại phòng ban nào, lý do vì sao... để chấn chỉnh kịp thời. Hiện nay, UBND quận Phú Nhuận đang vươn tới thực hiện phục vụ hành chính công, nhằm từng bước hoàn thiện công tác CCHC tại địa bàn

***Những thành tựu nổi bật sau 5 năm (2001- 2005) thực hiện đề án 112:**

Hệ thống tổ chức chỉ đạo và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực CNTT đã được đổi mới và tăng cường.

Đã có nhiều Bộ, ngành, cơ quan Đảng và địa phương thành lập Ban chỉ đạo CNTT của mình. Đặc biệt, trong năm 2002 Bộ Bru chính Viễn thông

được thành lập và được giao thống nhất quản lý nhà nước về viễn thông và CNTT. Đã có 63/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sở Bưu chính Viễn thông chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về bưu chính viễn thông và CNTT tại địa phương.

Môi trường pháp lý cho ứng dụng và phát triển CNTT được cải thiện.

Chỉ thị 58 đã là nền tảng cho sự ra đời của nhiều cơ chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển CNTT của nước ta. Hơn 30 văn bản quy phạm pháp luật về CNTT và truyền thông đã được phê duyệt nổi bật như Luật Giao dịch điện tử; Luật CNTT, Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông...

Ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng và Nhà nước có bước thay đổi lớn.

Hệ thống tổ chức chỉ đạo và quản lý Nhà nước đối với CNTT được tăng cường. Trước năm 2000, số bộ, ngành có trang tin điện tử rất ít. Hiện nay, có 22/26 bộ, 56/64 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đã có website chính thức, góp phần hiện đại hoá nền hành chính và tạo tiền đề cho việc phát triển Chính phủ điện tử.

Ứng dụng CNTT đã trở thành yếu tố quan trọng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đó chính là yếu tố sống còn đối với các ngành đòi hỏi hội nhập quốc tế và cạnh tranh cao như ngân hàng, viễn thông, hàng không,... Các ứng dụng CNTT phục vụ giáo dục, y tế, thể thao, văn hoá, xã hội, nông nghiệp và phát triển nông thôn bước đầu phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng.

Trong lĩnh vực CNTT, công nghiệp phần cứng phát triển ổn định với tốc độ khá.

Công nghiệp phần mềm trên đà phát triển tốt theo xu hướng xuất khẩu phần mềm. Việt Nam được tổ chức Kearney (Mỹ) đánh giá là một trong 25 quốc gia có sức hấp dẫn nhất về sản xuất phần mềm. Ứng dụng CNTT đã trở

thành yếu tố quan trọng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, và là yếu tố sống còn đối với các ngành đòi hỏi hội nhập quốc tế cao như ngân hàng, viễn thông, hàng không...

Nguồn nhân lực CNTT phát triển nhanh với các hình thức đào tạo đa dạng.

Số lượng các cơ sở đào tạo chính quy đại học và cao đẳng về CNTT tăng lên đáng kể so với năm 2000, trong đó đào tạo đại học từ 42 lên 62, cao đẳng từ 36 lên 71. Hiện cả nước có 27 khoa CNTT. Số lượng tuyển sinh đào tạo đại học và cao đẳng về CNTT tăng nhanh (năm 2000: 4.000, năm 2001: 6.000, các năm 2002 và 2003 mỗi năm 9.000; các năm 2004 và 2005 mỗi năm 10.000); tổng số chỉ tiêu tuyển sinh CNTT cho cả giai đoạn 2001 - 2005 là 44.000.

Đánh ghi nhận là việc mạng thông tin quốc gia phát triển nhanh với nhiều loại hình dịch vụ, chất lượng ngày một tốt hơn.

Giá cước giảm mạnh trên cơ sở xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp. Giá cước viễn thông Việt Nam đã giảm rất nhiều và hiện ở mức trung bình thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Cước ADSL thấp hơn Singapore Thái Lan, Phillipine, Malaysia, ngang bằng với Indonesia...Cước di động trả trước của Việt Nam thấp hơn rất nhiều so với các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Singapore...Thị trường viễn thông Việt Nam trong vài năm gần đây tăng trưởng trung bình với tốc độ thuộc hàng cao nhất thế giới, tới 25% mỗi năm. Ở thời điểm hiện tại, Việt Nam đã vượt qua một số nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc về mức độ sử dụng dịch vụ.

Huy động vốn đầu tư cho các đề án và dự án

Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 58, việc ứng dụng và phát triển CNTT – VT ở Việt Nam đã có những tiến bộ rõ rệt, đóng góp bước đầu cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Những vấn đề vướng mắc cần khắc phục

Tuy đã có những thành công tích cực ở một số địa bàn trên khắp cả nước, cũng như ở một số cơ quan nhà nước song Đề án 112 đã gặp phải một số vướng mắc nghiêm trọng, từ đó dẫn đến sự kém hiệu quả và thất bại của cả dự án. Dưới đây là một số vướng mắc gặp phải khi thực hiện dự án.

2.1. Dàn trải, manh mún.

Ngay từ đầu ĐA112 đã bộc lộ sự chuẩn bị chưa chu đáo. Với giai đoạn thực hiện được hoạch định trong 5 năm (2001 - 2005), nhưng phải đến hết năm 2002 ĐA112 mới thực sự hoàn thành. Chính vì thế, phải mất hơn 1 năm sau nữa ĐA112 mới được bắt tay vào triển khai. Điều này phản ánh sự chậm trễ và không sát với thực tế của tiến độ.

Tiếp theo bước hụt của thời gian triển khai, ĐA112 lại vấp phải bước hụt về tài chính. Theo quyết định của Chính phủ phê duyệt, ĐA112 có nguồn vốn giai đoạn 1 là 1.000 tỉ đồng. Thế nhưng, con số thực giải ngân cho đến nay chỉ có 510 tỉ đồng. Điều này khiến cho BDH ĐA112 Trung ương lúng túng và tại các tỉnh cũng không thể triển khai các dự án, đề án đã được xây dựng.

Từ những lý do trên, BDH ĐA112 Trung ương lại vấp một lần nữa về định hướng khi triển khai dàn trải mà không tính đến các yếu tố khó khăn về địa hình địa bàn; con người hành chính; và cơ sở hạ tầng. Với nguồn vốn hữu hạn, cộng với những khó khăn này nên việc triển khai đại trà ở tất cả các tỉnh, thành phố, bộ ngành khiến cho ĐA112 thiếu trọng tâm. Có những tỉnh như Hải Phòng, Bình Định, Thanh Hóa... đã làm khá tốt việc xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL); triển khai PMDC. Tuy nhiên, có những tỉnh triển khai chỉ mang tính hình thức, chứ chưa thể đưa vào phục vụ công việc một cách hiệu quả. Vì thế, tính đến nay, trong số 43 PMDC cần triển khai thì mới chỉ có rất ít số tỉnh triển khai 3 PMDC thành công, còn lại đa số vẫn trong giai đoạn thử nghiệm. Mới có 6 vạn trong số 24 vạn cán bộ được đào tạo tin học

ứng dụng. Đặc biệt, mạng lưới xuống các quận, huyện thì gần như chỉ ở cấp độ “mạnh ai người ấy làm”.

2.2. Chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng.

Trong những kết quả của ĐA 112 mà công văn số 4294 ngày 3/8/2007 của VPCP (v/v chuyển giao các kết quả của ĐA 112) nhắc tới, ngoài phần cứng, phần mềm còn có những “sản phẩm phục vụ hình thành cơ sở pháp lý về tin học hóa quản lý hành chính nhà nước”. Điều đó có nghĩa là ĐA 112 được thực hiện khi cơ sở pháp lý cho những hoạt động của nó còn rất thiếu, hoặc là những cơ sở hoàn toàn không thuận lợi cho việc làm tin học. Chính vì thế, ban điều hành (BDH) ĐA phải tự lo hình thành lấy cơ sở pháp lý đó. Đây là việc vượt ra ngoài chức năng của BDH một ĐA. Nhưng nếu không làm thì ĐA không triển khai được, cho nên họ phải xoay xở để “sáng chế” ra những quy định, quy trình cần thiết và tìm cách nhờ cơ quan này, cơ quan khác thông qua. Như thế, BDH ĐA 112 đã gánh lấy trách nhiệm khó khăn của kẻ đi trước - kẻ khai hoang. Mặt khác, nhờ có thể tự tạo ra những “sản phẩm phục vụ hình thành cơ sở pháp lý”, họ cũng dễ lòng vào đó những yếu tố có lợi cho riêng mình.

Khó khăn lớn hơn đối với BDH ĐA 112, nằm ngay trong ý đồ của ĐA, phần nào thể hiện qua cái tên “tin học hóa quản lý hành chính nhà nước”, có thể hiểu là đưa tin học vào làm biến đổi hệ thống hành chính. Công bằng mà nói, việc đưa tin học vào các CQNN không phải không tạo ra thay đổi. Nhiều người nhờ đó đã làm quen với máy tính, biết đến Internet và hình thành ý thức về một phương tiện làm việc mới. Thế nhưng, nếu đơn phương tin học hóa, thì chỉ có thể đạt được đến mức ấy thôi, vì một khi tin học can thiệp sâu vào cơ chế hành chính nhạy cảm, bắt những con người đang làm theo guồng quay cũ phải thay đổi quy trình, phải chia sẻ thông tin, công khai thời hạn giải quyết công việc... thì sẽ gặp lực cản. Tin học đã “chạy”

trước, nhưng sức ỳ của bộ máy hành chính là rất lớn, và điều đó làm cho chương trình tin học hóa bị lạc bước, trở thành một “dị thể” trong khối hành chính đó. Những trung tâm tích hợp dữ liệu hiện đại nằm đắp chiếu hoặc chỉ được sử dụng rất ít là một hình ảnh tiêu biểu.

Thậm chí, có tỉnh (không làm theo ĐA 112), đã đưa dữ liệu đất đai chi tiết lên mạng, tuyên bố người dân có thể truy cập xem đất đai của cán bộ tỉnh, của nhà hàng xóm. Nhưng sau đó, người ta không còn thấy những dữ liệu chi tiết như thế trên mạng nữa. Đây là sự trì nứu của hệ thống hành chính lạc hậu, khó thay đổi, với rất nhiều mối quan hệ đan xen phức tạp liên quan đến những lợi ích riêng tư.

Nên khi ĐA 112 tham gia vào hệ thống hành chính, nó đơn phương bởi không thể bắt nhịp được với cả cơ cấu hiện hữu; và khi can thiệp tạo ra sự thay đổi sâu trong nền hành chính, nó vô phương bởi không thể làm được những việc quá khả năng! Không có sự cộng tác của chủ thể hành chính, khả năng hiện đại hóa của tin học chỉ là ảo tưởng. Cái khó của BĐH ĐA 112 lúc này là thi hành một lệnh vượt quá khả năng và tầm vóc của mình: cải tạo hệ thống hành chính.

Nhiều người cho rằng ĐA 112 không có mối liên hệ mật thiết với đề án cải cách hành chính (CCHC) và đó là nguyên nhân khiến nó thất bại. Điều đó chỉ đúng một phần. “Nói chuyện” được với bộ phận CCHC chỉ tạo thêm thuận lợi chứ không làm thay đổi cục diện. Chừng nào bộ máy hành chính còn trì trệ, còn chưa thật sự có những thay đổi lớn, chừng đó tin học còn đứng ngoài lề.

Ngược lại, khi bản thân bộ phận CCHC thật sự làm tốt, muốn thay đổi quy trình, muốn công khai minh bạch, quyết tâm xây dựng một nền hành chính hiện đại, vượt hẳn lên trên mặt bằng cũ kỹ hiện thời..., chắc chắn bộ phận CCHC sẽ có nhu cầu “nói chuyện” với “bên” tin học, chủ động chấp

nhận đưa tin học vào ứng dụng cũng như những công nghệ khác làm phương tiện để đạt mục đích.

2.3. Những cảnh báo trong quá trình thực hiện đề án.

◆ 3.730 tỉ đồng và hơn thế cho đề án thất bại: Theo báo cáo của UB KH-CN & Môi trường Quốc hội thì đến tháng 9.2003, ĐA112 đã ngốn 3.730 tỉ đồng (vốn T.U và địa phương). Từ đó đến năm 2006 (năm chấm dứt thực hiện) số tiền là bao nhiêu thì ngay cả Ban điều hành (BDH) ĐA112 cũng không biết.

◆ Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực về CNTT": Chưa triển khai được vì không có cơ chế huy động tài chính; xây dựng chương trình quá muộn.

◆ Đề án tin học hoá hoạt động các cơ quan Đảng (360 tỉ đồng): Công tác nâng cao nhận thức của đề án đến lãnh đạo các cấp còn chậm; hiệu quả điều hành tác nghiệp thấp; đội ngũ nhân lực yếu kém về số và chất lượng.

◆ Dự án Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng (49.755 tỉ đồng): Trình độ ứng dụng CNTT trong ngân hàng còn cách xa và có nguy cơ tụt hậu; tốc độ phát triển và ứng dụng chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập. Chưa có kiến trúc CNTT thống nhất cho ngành; môi trường pháp lý không theo kịp; hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu.

◆ Dự án Hoàn thiện hệ thống thông tin tài chính và Hiện đại hoá hệ thống thông tin ngành hải quan (đầu tư trong ngành là 530 tỉ đồng): Ứng dụng CNTT ở mức thấp, thay thế một phần lao động thủ công. Khả năng tích hợp yếu, chưa đồng bộ; hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ nhân lực yếu kém.

◆ Dự án Tổ chức triển khai phát triển thương mại điện tử (dải ngân 10 tỉ đồng): Các công trình sàn giao dịch thương mại điện tử tại Hà Nội, TPHCM và Đà Nẵng chưa hoàn thành như dự kiến; quy định đầu tư chưa phù hợp.

◆ Dự án Ứng dụng CNTT phục vụ CNH - HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn (19,7 tỉ đồng): Triển khai chậm, kinh phí không đủ, khó khăn về thủ tục.

◆ Dự án Ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ an ninh công cộng (383 tỉ đồng): Thiếu phối hợp, đầu tư trùng lặp; thiết kế xây dựng hệ thống thông tin nặng tính cục bộ, khó trao đổi kết nối thông tin trên diện rộng; công tác chuẩn hoá thông tin và dữ liệu còn bất cập nên hiệu quả hạn chế.

◆ Dự án Ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở 2004 - 2008 (2,3 tỉ): Hầu như chưa triển khai được.

3. Nguyên nhân

3.1. Một số nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của đề án.

Thứ nhất, mục tiêu của Đề án 112 đã không nhất quán ngay từ khi mới triển khai, là đề án trong khuôn khổ Chương trình cải cách hành chính nhưng được thể hiện với "màu sắc" và hình thức khoa học công nghệ (tin học), không xác định rõ ràng tin học hóa hay là cải cách hành chính và các quan hệ tương hỗ với nhau.

Thứ hai, năng lực tổ chức và trình độ quản lý thiếu chuyên nghiệp. Ban điều hành không có chức năng quản lý nhà nước về CNTT nhưng vẫn kiêm luôn các nhiệm vụ từ chủ đầu tư, thiết kế, thẩm định tạo nên tình trạng "vừa đá bóng vừa thổi còi" gây ra lãng phí và sai về nguyên tắc quản lý. Ngay từ đầu đề án đã tiềm ẩn các yếu tố dẫn đến thất bại: không có sự kế thừa từ chương trình quốc gia về CNTT giai đoạn trước. Ban thư ký đề án, các tổ chuyên môn và ngay cả ban điều hành bao gồm các cán bộ kiêm nhiệm với vai trò tham mưu nên không có ai chịu trách nhiệm cụ thể. Phương pháp và phương thức triển khai đề án cũng là nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện Đề án 112 không thành công. Đề án thuộc Chương trình cải cách tất cả các mục tiêu. Khi chưa một tỉnh, thành phố, bộ nào thí điểm thành công việc tin học

hóa quản lý hành chính mà đã triển khai đề án đồng loạt trong cả nước, tất yếu sẽ dẫn đến những bất cập, hạn chế và thất thoát, lãng phí. Quy trình của hệ thống hành chính cũng chưa được xem xét và rà soát thấu đáo, hệ thống "tin học hóa" cũng không được nghiên cứu, thẩm định phù hợp. Đề án có quy mô lớn, diện triển khai rộng độ phức tạp phối hợp đa ngành từ trung ương đến địa phương, phức tạp về quy trình ứng dụng, nhưng mô hình tổ chức và quản lý của đề án đã vượt qua giới hạn pháp luật quy định dẫn đến thất bại.

Thứ ba, chưa coi trọng công tác tư vấn, phản biện, giám sát thường xuyên. Công tác tư vấn, phản biện, giám sát thường xuyên đóng vai trò rất quan trọng với thành công hay thất bại của các chương trình dự án, nhất là các đề án liên quan các lĩnh vực khoa học và công nghệ có tốc độ phát triển và xu thế thay đổi nhanh. Công tác giám định từ thiết kế, triển khai cũng không được thực thi nghiêm túc và đầy đủ theo luật định.

Thứ tư, chưa xác định thực sự rõ ràng cơ quan cụ thể nào chịu trách nhiệm chủ đạo việc triển khai Chính phủ điện tử. Trên thực tế, cả Văn phòng Chính phủ, Bộ Bưu chính Viễn thông (*), một số cơ quan khác nữa... cùng đều tham gia triển khai Chính phủ điện tử.

Đôi khi, việc có quá nhiều đơn vị tham gia triển khai Chính phủ điện tử sẽ làm mọi thứ trở nên phức tạp và rối tung lên hơn, và đó có thể là một trong những lý do vì sao việc triển khai không thể nhanh chóng. Nếu nhìn vào các nước khác như Singapore, Hong Kong,... thậm chí Hàn Quốc, luôn có thể thấy rất rõ một cơ quan duy nhất, hoặc hai cơ quan kết hợp lại thành một hệ thống hợp nhất để triển khai mọi hoạt động liên quan tới Chính phủ điện tử, và chịu trách nhiệm về sự thành công hoặc thất bại của quá trình triển khai đó.

* Nay chuyển thành Bộ Thông tin và Truyền thông.

3.2. Trách nhiệm của Chính phủ⁵

- *Thứ nhất:* Đề án 112 là đề án lớn, có lượng dự toán là khoảng 3.800 tỷ đồng. Đây là lĩnh vực mới, Chính phủ chưa có kinh nghiệm nhưng đã lựa chọn cơ quan thực hiện xây dựng và tiến hành đề án này là Văn phòng Chính phủ. Có thể nói việc giao nhiệm vụ này là không cho Văn phòng Chính phủ là không phù hợp. Văn phòng Chính phủ là cơ quan tham mưu tổng hợp giúp việc, không phải là cơ quan chức năng, hơn nữa lại không hiểu sâu về lĩnh vực tin học hóa, nhất là vấn đề tin học hóa trong quản lý hành chính nhà nước.

- *Thứ hai:* Cách chỉ đạo quản lý đề án này không ổn. Ban điều hành dự án được lập do một đồng chí chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm trưởng ban. Ban điều hành này hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, gồm một số đồng chí thứ trưởng của các bộ ngành tham gia: Bộ kế hoạch, Bộ tài chính, Nội vụ, KH-CN và Môi trường, một đồng chí PGĐ tin học của Văn phòng Chính phủ là tổng thư ký điều phối. Trong quá trình thực hiện, các đồng chí thứ trưởng tham gia đề án về cơ bản đã chuyển công tác và nghỉ hưu nhưng ban điều hành vẫn không báo cáo thủ tướng Chính phủ, không được tổ chức lại để thay thế nên Ban điều hành này không có quản trị, không thường xuyên hoạt động.

Cho đến cuối năm 2005 đầu năm 2006, cả 5 mục tiêu mà đề án đặt ra đều chưa được hoàn thành hoàn chỉnh.

- *Thứ 3:* Ngay khi Bộ Bưu chính Viễn thông thực hiện năm 2002 đã được thành lập nhưng vẫn chưa kịp chuyển giao nhiệm vụ này. Cơ quan Bộ Bưu chính Viễn thông thành lập vẫn chưa tham gia vào công tác quản lý nhà nước đối với dự án này.

Theo Phó thủ tướng, sai lầm trong công tác chỉ đạo của thường trực Chính phủ đối với dự án này là: Trong quá trình quản lý dự án đã buông lỏng

⁵ Theo vnmedia.

quản lý, thiếu cơ chế kiểm tra, thiếu giám sát thích hợp một cách có hiệu quả. Bộ trưởng chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ là cơ quan được Chính phủ giao chủ trì đề án đã không thực hiện tốt trách nhiệm quản lý, kiểm tra giám sát mà lại phó thác toàn bộ cho đồng chí phó chủ nhiệm, trưởng ban điều hành dự án này.

Chính sự sơ sót buông lỏng trong quản lý đã tạo kẽ hở cho Trưởng ban điều hành dự án và ủy viên thư ký lộng quyền, tiêu cực, tham nhũng và gây lãng phí, thất thoát.

Mặc dù Thủ Tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã quyết định ngừng triển khai Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước (Đề án 112). Nhưng Thủ tướng luôn coi ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước là yêu cầu đúng đắn và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Vì vậy, tin học hóa quản lý hành chính nhà nước phải được tiếp tục triển khai mạnh mẽ, nhưng thực hiện theo đúng Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ mà Thủ tướng vừa ký ban hành trong tháng 4 này.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

I. Một số nguyên tắc để tăng cường sử dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước.

1. Nhu cầu về hoạt động hành chính một cách minh bạch

Công khai, minh bạch là đòi hỏi, yêu cầu, điều kiện thiết yếu đối với hoạt động của bộ máy hành chính công chuyên nghiệp, hiện đại. Ở Việt Nam hiện nay việc công khai hoá, minh bạch hoá hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, bộ máy hành chính nhà nước nói riêng là đòi hỏi quan trọng trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, xây dựng xã hội dân sự định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công khai, minh bạch là yêu cầu nội tại, xuất phát từ bản chất và là một trong những chuẩn mực hoạt động của bộ máy nhà nước, có vai trò tích cực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Công khai, minh bạch còn là biện pháp hữu hiệu nhằm phòng ngừa các hành vi sai trái, tiêu cực, các biểu hiện làm sai lệch, suy giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Công khai, minh bạch là công cụ đặc biệt quan trọng; là giải pháp phòng chống tham nhũng mang tính chủ động, tích cực; là đòi hỏi của xã hội gắn liền với công quyền được thông tri. Trong quản lý hành chính công công khai, minh bạch đòi hỏi người dân phải thông tri đầy đủ, kịp thời, chính xác về tất cả những gì pháp luật không cấm về quản lý hành chính nhà nước.

Luật Phòng, chống tham nhũng đã đưa vấn đề công khai, minh bạch trở thành một nguyên tắc chung cho hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị

và là nguyên tắc cơ bản của quản lý ngân sách nhà nước. Nguyên tắc vừa nhằm ngăn chặn tham nhũng, vừa bảo đảm nền

2. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

Để đạt được các mục đích của CCHC, hệ thống hành chính và dịch vụ công của Singapore tất yếu phải ứng dụng CNTT và Internet. Nguyên tắc cơ bản mà hệ thống hành chính Singapore phải theo đuổi là làm thế nào tạo điều kiện dễ dàng nhất cho công dân và khách hàng hơn là cho bản thân cơ quan công quyền nào đó. Trong quan hệ với các cơ quan hành chính công, công dân hay doanh nhân đồng thời là khách hàng của cơ quan đó bởi vì họ phải chi trả một số lệ phí theo quy định khi sử dụng dịch vụ do các cơ quan ấy cung cấp. Và do họ là khách hàng nên những dịch vụ họ nhận được phải tương xứng với số tiền và thời giờ bỏ ra. Vì thế, các nhân viên ở cấp cơ sở của Singapore hiểu rất rõ là để được nhận lương hằng tháng, họ đương nhiên phải phục vụ khách hàng - công dân thật tốt

Dẫu rằng, cả CNTT và hành chính của Việt Nam còn khác xa Singapore nhưng rõ ràng ứng dụng CNTT chỉ có hiệu quả với hệ thống hành chính khi mà các đối tượng cần giải quyết thủ tục hành chính được coi là khách hàng. Đó chính là định hướng phải thực hiện của CCHC tại Việt Nam để mở đường cho tin học hoá quản lý hành chính.

3. Kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Chương trình cải cách hành chính

Dưới một góc độ nào đó, có thể nhận định rằng mọi nghiên cứu và kết quả của CCHC đều dựa trên việc tổ chức và xử lý thông tin. Một xu thế chung mà các nhà cải cách trên thế giới chú trọng là việc tìm hiểu bản chất vận động của nhiều nền hành chính khác nhau để thông qua đó tham khảo, bổ khuyết cho luận cứ của mình. Ngày nay, việc đó chỉ có thể làm thông qua Internet. Chắc chắn các nhà cải cách để tâm nghiên cứu các mô hình quản lý nhà nước tiên tiến hiện nay mà nhiều quốc gia đang theo đuổi là “công nghệ quản trị

quốc gia” (government technology) và “chính phủ điện tử” (e-government) và trở về con đường nào đưa nền quản lý hành chính nước ta từ trạng thái hiện nay đến trình độ tiên tiến đó phù hợp với điều kiện và đặc điểm riêng của mình. Nhân sự của một bộ máy quản lý nhà nước hiện đại cần có những kỹ năng gì và hệ thống thông tin quản lý hiện đại gồm những thành phần gì và chúng hoạt động như thế nào? Tất cả, trực tiếp hay gián tiếp, đều có trên Internet và chỉ có CNTT mới giúp khám phá mọi vấn đề.

Từ phân tích này, chúng ta có thể nêu nhận xét rằng để CCHC đạt kết quả mong đợi thì phải giúp các nhà cải cách hiểu rõ những gì mà CNTT có thể mang lại cho họ và trao vào tay họ những công cụ, phương tiện CNTT cần thiết cho việc nghiên cứu và thực thi các kết quả CCHC chứ không thể làm thay họ. Chỉ khi nào các nhà CCHC nắm vững được CNTT như phương tiện làm việc không thể thiếu được thì chính họ sẽ giải quyết mọi vấn đề một cách suôn sẻ và hiệu quả. ***Nói đúng ra, tin học hóa quản lý hành chính nhà nước là việc của các nhà CCHC (các nhà quản lý) chứ không phải của các nhà tin học.*** Bấy lâu nay có lẽ các nhà tin học đã hiểu lầm vai trò của mình. Điều đó có thể làm cho “sức ngấm” của CNTT vào xã hội bị chậm lại.

II. Một số giải pháp nhằm tăng cường sử dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước.

1. Giải pháp về con người.

-Vai trò của người lãnh đạo

- Lãnh đạo quyết tâm có nghĩa là có sự quan tâm sâu sắc đến việc ứng dụng CNTT vào đơn vị mình
 - Mạnh dạn đầu tư kinh phí, luôn dành cho CNTT ngân sách hàng năm
 - Chuẩn bị đủ nguồn lực: Tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng cán bộ phụ trách CNTT, giao cho họ những quyền hạn và nghĩa vụ tương xứng.
 - Đưa tiêu chí ứng dụng CNTT vào đánh giá khen thưởng cuối năm
-

-Mục tiêu-Kế hoạch-Lộ trình

- Không có Mục tiêu – Kế hoạch – Lộ trình thì không thể đánh giá hiệu quả của dự án.
- Ứng dụng CNTT là một quá trình → cần có kế hoạch tổng thể và các dự án ngắn hạn.
- Kế hoạch phải giúp chúng hình dung rõ:
 - Khi nào, chúng sẽ đạt được cái gì?
 - Chúng ta phải chuẩn bị đầu tư những nguồn lực gì?
 - Những thuận lợi và khó khăn là gì?
 - Cần xem xét đánh giá qua mỗi dự án, quý, năm.

-Xây dựng Công chức điện tử - Công dân điện tử

Công chức điện tử:

- Là 1 trong những nền tảng của chính phủ điện tử.
- Đội ngũ công chức cần được đào tạo đầy đủ các quy trình công việc mới, cách thức sử dụng công cụ mới và phong cách làm việc mới, hiện đại.
- Tiến độ đưa các ứng dụng phải đồng bộ cùng với tiến độ đào tạo công chức điện tử.
- Công dân điện tử:
 - Chính phủ điện tử chỉ có thể phục vụ tốt các công dân điện tử.
 - Tỷ lệ máy tính có kết nối internet/dân số phải ngày một nâng cao.

2. Giải pháp về kỹ thuật

* Bắt đầu bằng những dự án dễ, trọng điểm

- Thành công khi áp dụng CNTT bước đầu tạo thêm động lực tiếp tục tin học hoá các lĩnh vực khác
-

- Lựa chọn lĩnh vực dễ hơn, ví dụ: nền tảng dữ liệu tốt, quy trình tương đối rõ ràng...
 - Không nên gò ép ứng dụng vào quy trình đã lạc hậu
 - Cần khuyến khích các đơn vị và cá nhân góp phần cho dự án CNTT thành công
 - Tạo niềm tin trong lòng các cán bộ về hiệu quả của việc ứng dụng CNTT vào trong công việc hàng ngày
 - * Cầu nối giữa cán bộ tin học và cán bộ QLNN
 - Giữa cán bộ tin học và cán bộ QLNN cần được kết nối về nhiều phương diện.
 - Phát hiện những cá nhân có nghiệp vụ hành chính nhà nước và am hiểu về tin học để họ tham gia vào quá trình triển khai ứng dụng CNTT.
 - Bồi dưỡng những cán bộ QLNN những kiến thức cơ bản về CNTT.
 - Nếu chưa có cán bộ đủ năng lực làm cầu nối, thì Lãnh đạo phải tham gia trực tiếp vào một số giai đoạn quan trọng của dự án như: xác định yêu cầu, phê duyệt thiết kế và nghiệm thu.
-

KẾT LUẬN

Tin học hoá quản lý hành chính là một xu hướng tất yếu, triển khai càng sớm càng tốt. Đây là xu thế, là sự phát triển tất yếu, bởi nếu Nhà nước không đổi mới kịp thì sẽ không thể quản lý nổi một xã hội đang phát triển từng ngày chứ chưa nói đến việc phục vụ tốt xã hội đó.

Tin học hoá quản lý hành chính là một công việc rất khó khăn, đòi hỏi nỗ lực cao độ của nhiều phía. Vì vậy, nó đòi hỏi cần có sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng, Chính phủ để thực hiện tốt những yêu cầu đề ra. Ngoài ra, còn một yếu tố không nhỏ để đảm bảo cho việc thực hiện dự án được thực hiện một cách hiệu quả, đó là chính mỗi người dân chúng ta. Vậy để góp một phần công sức cho mục đích chung của đất nước. Ngay từ bây giờ, mỗi công dân chúng ta hãy không ngừng nâng cao năng lực sử dụng CNTT để xây dựng một cộng đồng, một đất nước mà mọi người đều có thể sử dụng CNTT một cách hiệu quả. Cùng với đó, mọi người sẽ tiếp nhận những thành quả mà chính phủ điện tử (e-government) sẽ đem lại sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hans Gammeltoft-Hansen, Tổng Thanh tra Nghị viện Vương quốc Đan Mạch: Vai trò của Ombudsman trong việc xây dựng thủ tục hành chính nhanh gọn, đảm bảo minh bạch và phòng chống tham nhũng
 2. Võ Khánh Vinh, Chánh Văn phòng Viện Khoa học xã hội Việt Nam: Tính công khai, minh bạch trong quản lý hành chính công: một số vấn đề lý luận và thực tiễn .
 3. Thang Văn Phúc, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Cải cách hành chính Nhà nước Việt Nam – nhìn lại 5 năm (2001-2005), các ưu tiên (2006-2010) và tầm nhìn 2020.
 4. Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg. ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ
 5. Quyết định số 112 ngày 25/7/2001, phê duyệt đề án “Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 –2005
 6. Trần Ngọc Uẩn, Giáo trình Nhà nước và pháp luật, Quản lý hành chính Tập 3, Nxb Lý luận chính trị, HN, 2004.
 7. Đặng Hữu Đạo Cấp đề tài: Đề tài/Nhiệm vụ cơ bản cấp nhà nước: Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu một số vấn đề kinh tế và quản lý Chủ nhiệm đề tài:
 - 8 .Chính phủ điện tử phải bắt đầu từ con người:
<http://vietnamnet.vn/cntt/2007/11/753760/>
 9. Công dân là khách hàng:
<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=190760&ChannelID=3>
 10. Chính phủ điện tử hướng tới dịch vụ hành chính công tốt nhất:
<http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns061214135442>
 11. Ứng dụng và phát triển CNTT trong quản lý nhà nước:
http://www.sggp.org.vn/thuongmai_dautu/2007/2/85342/
-